



TARIC
CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2018

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO - TASCO JOINT STOCK COMPANY
ĐỊA CHỈ: 91 NGUYỄN CHÍ THANH - P. LĂNG HẠ - Q. ĐỐNG ĐA - HÀ NỘI - VN
WEBSITE: WWW.TARIC.COM.VN WWW.TASCO.COM.VN
TEL: (84-24) 3773 8558 FAX: (84-24) 3773 8559

MỤC LỤC

THÔNG điệp CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	2
TẦM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI.....	3
CÁC SỰ KIỆN VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA CÔNG TY VÀ ÔNG PHẠM QUANG DŨNG – CHỦ TỊCH HĐQT	4
I. THÔNG TIN CHUNG:.....	5
1. Thông tin Khái quát:	5
2. Lịch Sử Hình Thành & Phát Triển:	5
3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:	6
5. BAN LÃNH ĐẠO:	10
6. Định hướng phát triển:	15
II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019:	17
1. Tổng quan tình hình tài chính công ty:	17
2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:	19
3. Tình hình tài chính của Công ty:	20
4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:	20
5. Tổ chức và nhân sự	21
6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:	22
7. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:	22
8. Kế hoạch phát triển trong tương lai:	40
III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:.....	41
1. Hội đồng quản trị Công ty:.....	41
2. Ban kiểm soát:.....	45
IV. Thông tin cổ phiếu, quan hệ cổ đông:	46
1. Cổ phần:	46
2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:.....	47
3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:	48
4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:.....	49
VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:	51

THÔNGIỆP CỦA CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Kính thưa quý cổ đông, quý đối tác, khách hàng và toàn thể cán bộ - công nhân viên

Mặc dù nền kinh tế có nhiều tín hiệu khả quan như GDP cả năm tăng trưởng 7,08%, chỉ số CPI được kiểm soát dưới 4%, thị trường tài chính duy trì ổn định..., nền kinh tế vẫn còn tồn tại nhiều thách thức khi môi trường đầu tư chưa thực sự ổn định, tăng trưởng chưa thực sự bền vững, do vẫn phụ thuộc vào khu vực có vốn đầu tư trực tiếp nước ngoài. Các doanh nghiệp trong nước còn khó khăn rất nhiều, nhất là trong lĩnh vực xây dựng.

Hoạt động của Tasco năm qua gặp nhiều rủi ro khó lường, doanh thu sụt giảm trên tất cả các lĩnh vực. Ba trên năm trạm thu phí của chúng tôi không thu được phí, các dự án bất động sản vướng thủ tục pháp lý, chưa triển khai được đúng tiến độ như mong muốn, dự án thu phí tự động không dùng cũng gặp nhiều trở ngại từ chính sách.... dẫn tới kết quả sản xuất kinh doanh không đạt so với kế hoạch. Trong hoàn cảnh khó khăn như vậy, chúng tôi ghi nhận sự nỗ lực không ngừng nghỉ của tất cả cán bộ nhân viên Công ty trong suốt một năm qua.

Dù trong bất kỳ điều kiện kinh doanh nào, chúng tôi không bao giờ từ bỏ những giá trị cốt lõi của tổ chức. Khó khăn không bao giờ là ngõ cụt. Chúng tôi quyết tâm chấp nhận mọi khó khăn, thách thức, coi thất bại cũng là một tài sản để rút ra những bài học sâu sắc, để củng cố điều chỉnh và luôn kiên định bồi đắp giá trị văn hóa của tổ chức. Tasco sẽ tiếp tục hoàn thiện hệ thống đội ngũ, kiện toàn hệ thống quản trị và tìm kiếm đối tác hợp tác chiến lược để sẵn sàng bứt phá trong tương lai.

Tổng kết lại năm 2018 là một năm nhiều cảm xúc đối với Tasco. Tuy nhiên chúng tôi tin rằng, với sự vững vàng của Ban lãnh đạo, sự đồng lòng của cán bộ nhân viên và sự tin tưởng của các cổ đông, khách hàng và đối tác, Tasco đã và đang vượt qua giai đoạn khó khăn đầy quả cảm. Tôi tin tưởng chắc chắn rằng Tasco sẽ tiếp tục vượt qua các thách thức, tạo ra thế và lực mới để gặt hái các thành công và thắng lợi cho giai đoạn phát triển tiếp theo đầy vinh quang.

Một lần nguy cơ, có nghĩa là một lần huy hoàng, một lần bước xuống đáy vực cũng chính là đang sắp đón một đỉnh cao.

Kính chúc sức khỏe và hạnh phúc đến quý vị và gia đình. *sh*

Trân trọng./.

Chủ tịch Hội đồng Quản trị



Phạm Quang Dũng

TÂM NHÌN, SỨ MỆNH, GIÁ TRỊ CỐT LÕI**Tâm Nhìn**

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

Sứ Mệnh

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị, hạ tầng giao thông hài hoà với thiên nhiên, phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

Giá Trị Cốt Lõi

- **Cam Kết:** Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể vượt qua thách thức, vì lợi của Khách hàng, Cộng sự, Cổ đông, Cộng đồng địa phương và Môi trường.
- **Tôn trọng:** Tasco luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.
- **Hợp tác:** Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển Nhóm, Đội, Cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.
- **Sáng tạo:** Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.
- **Học tập** Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

Nguyên lý kinh doanh

- Xây dựng Tasco vì mục tiêu phát triển trường tồn là tư tưởng chủ đạo xuyên suốt của các cấp lãnh đạo.
- Không có yếu tố cá nhân trong tổ chức.
- Luôn bảo vệ quyền lợi của Cổ đông trong dài hạn.
- Xây dựng các quy trình nghiệp vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Đào tạo những nhà lãnh đạo, nhà quản lý là người hiểu thấu đáo công việc, sống cùng triết lý công ty và huấn luyện được cho cấp dưới.
- Xây dựng các cá nhân và tập thể xuất sắc về việc tuân thủ triết lý của công ty.
- Xây dựng mạng lưới đối tác và nhà cung cấp hàng hóa dịch vụ.
- Giải quyết vấn đề tận gốc rễ bằng cách phải đích thân đi đến và xem xét hiện trường để hiểu tường tận tình hình.
- Không ngừng học hỏi, không ngừng tự phê bình, không ngừng phát huy trí sáng tạo và cải tiến của mọi người.
- Quản trị thông tin để luôn thấu hiểu được tình hình kinh tế vĩ mô trong nước, các nước trong khu vực và thế giới để ra các quyết định đầu tư cho doanh nghiệp.
- Xây dựng đội ngũ làm việc có đẳng cấp là cách duy nhất để Tasco gặt hái được những thành công lớn lao.

CÁC SỰ KIỆN VÀ GIẢI THƯỞNG CỦA CÔNG TY VÀ ÔNG PHẠM QUANG DŨNG – CHỦ TỊCH HĐQT

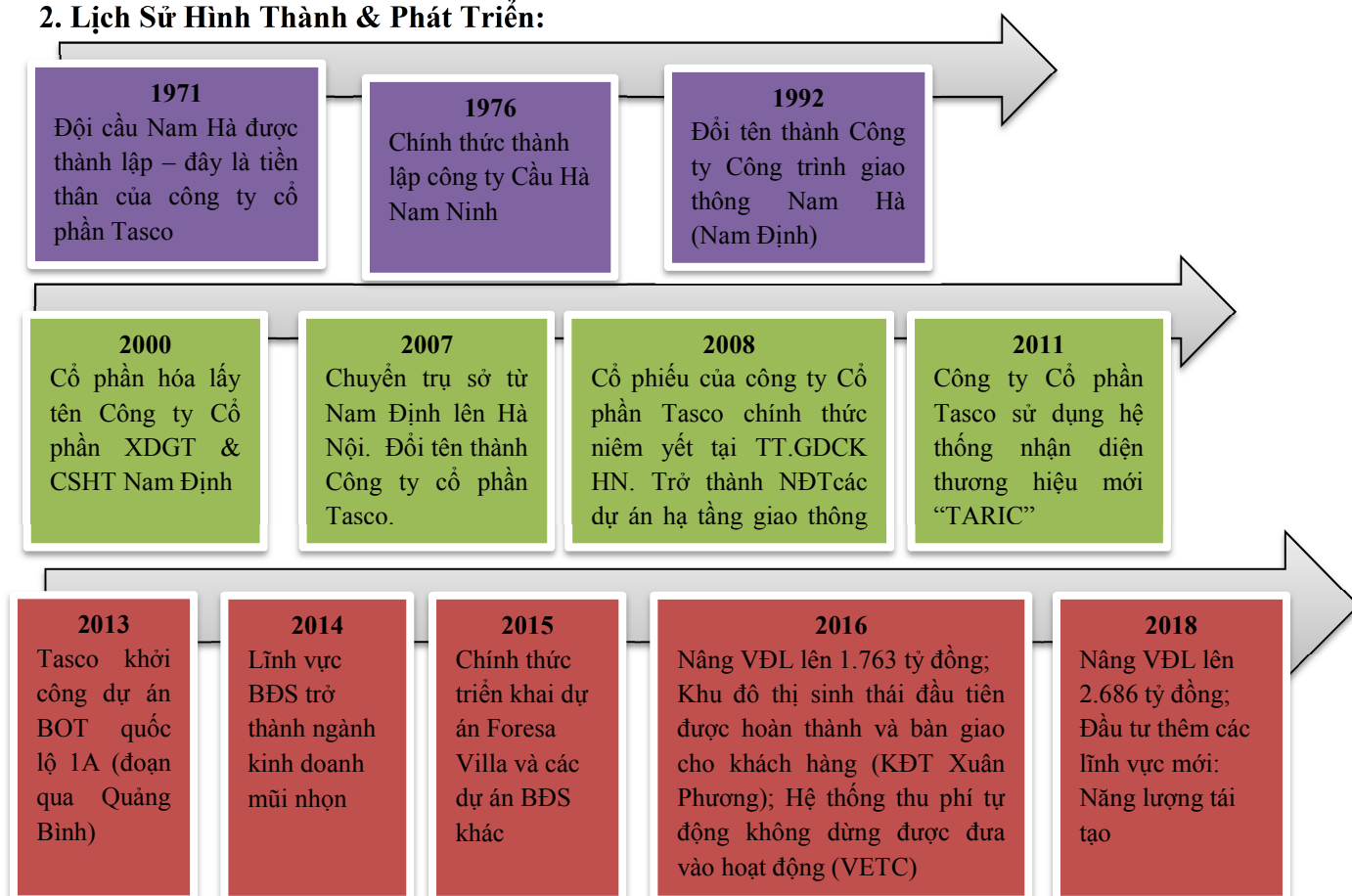
- Năm 1976 được tặng huân chương chiến sĩ vẻ vang hạng II
- Năm 1984 được tặng huy chương kháng chiến hạng Nhì
- Giải thưởng Chất lượng Việt Nam năm 2006, 2007.
- Thủ tướng chính phủ tặng bằng khen năm 2007
- Cup vàng Thương hiệu nổi tiếng vùng duyên hải miền đồng bằng Bắc Bộ năm 2007 của Hội đồng TW – Liên hiệp các Hội khoa học và kỹ thuật Việt Nam.
- Cờ thi đua của Chính phủ năm 2008.
- Năm 2008 được tặng cúp Thánh Gióng doanh nhân tiêu biểu cả nước
- UBND thành phố Hà Nội tặng cờ thi đua Đơn vị xuất sắc năm 2010.



- Huân chương lao động hạng 3 vì những cống hiến cho sự nghiệp xây dựng CNXH và bảo vệ Tổ quốc trong suốt quá trình công tác.
- Năm 2011 và năm 2014 được bình chọn giải thưởng quốc tế Ernst &Young – Bản lĩnh doanh nhân lập nghiệp Việt Nam
- Giải thưởng Công trình xây dựng chất lượng cao năm 2014.
- Top 100 Doanh nghiệp phát triển bền vững Việt Nam 2016 (Bảng xếp hạng theo chỉ số CSI 2016).
- Top 30 doanh nghiệp minh bạch nhất sàn HNX 2016.
- Giấy Khen của Hiệp Hội Phát Triển Văn Hóa DN Việt Nam – Chương Trình Bản Sắc Và Hội Nhập năm 2018

I. THÔNG TIN CHUNG:**1. Thông tin Khái quát:**

- Tên giao dịch : Công ty Cổ phần Tasco.
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số : 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, thay đổi lần 23 ngày 04 tháng 12 năm 2018.
- Vốn điều lệ : 2.686.319.650.000 đồng.
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu : 2.686.319.650.000 đồng.
- Địa chỉ : Tầng 4, Tòa nhà M5, Số 91 Nguyễn Chí Thanh, Q.Đống Đa, Hà Nội, Việt Nam
- Số điện thoại : 024. 3773 8558
- Số fax : 024. 3773 8559
- Website : <http://www.taric.com.vn>
- Mã cổ phiếu : HUT.
- Ngành nghề kinh doanh :
 - Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê; cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
 - Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), các công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
 - Kinh doanh khai thác công trình kết cấu hạ tầng;
- Địa bàn kinh doanh : Hà Nội, Nam Định, Quảng Bình.

2. Lịch Sử Hình Thành & Phát Triển:

3. Mô hình quản trị và cơ cấu bộ máy quản lý:

Mô hình quản trị bao gồm:

- Đại hội đồng Cổ đông (ĐHĐCĐ): Là cơ quan quyền lực cao nhất, ra các quyết định định hướng phát triển của Công ty, bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm và thay thế thành viên Hội đồng Quản trị và Ban kiểm soát và các quyết định khác theo quy định pháp luật.

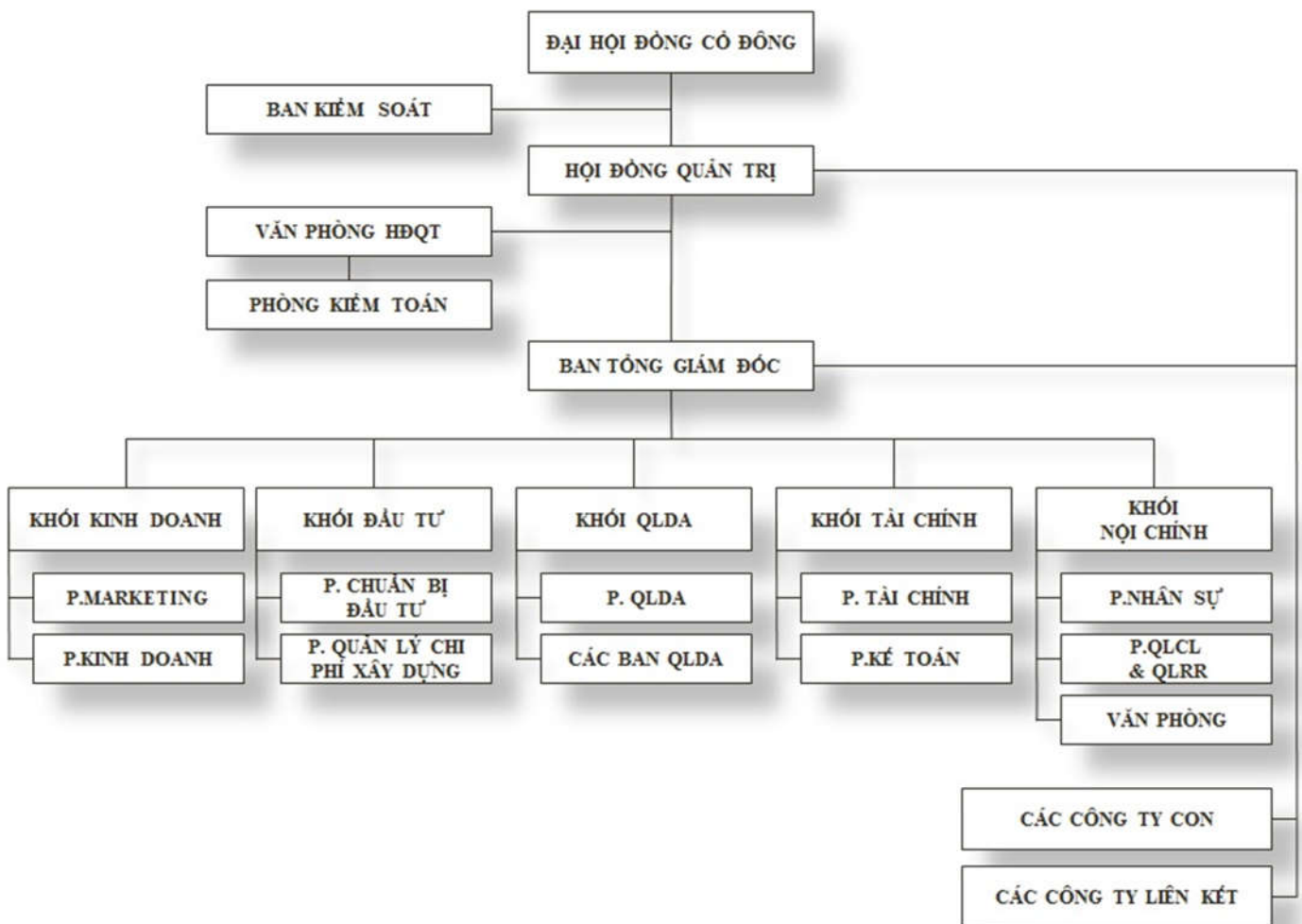
- Hội đồng Quản trị (HĐQT): Do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan quản trị cao nhất, có đầy đủ quyền hạn để thay mặt ĐHĐCĐ quyết định các vấn đề liên quan đến mục tiêu và lợi ích của Công ty, ngoại trừ các vấn đề thuộc quyền hạn của ĐHĐCĐ.

- Ban Kiểm soát: Là cơ quan thay mặt cổ đông để giám sát mọi hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty. Ban kiểm soát do ĐHĐCĐ bầu ra và hoạt động độc lập với HĐQT và Ban Giám đốc

- Ban Tổng Giám đốc: Bao gồm Tổng Giám đốc và các Phó Tổng Giám đốc do HĐQT bổ nhiệm, tổ chức thực hiện nhiệm vụ kinh doanh của Công ty. Tổng Giám đốc là người đại diện theo pháp luật và là người điều hành cao nhất mọi hoạt động sản xuất kinh doanh.

- Bộ máy hoạt động: Bao gồm các khối kinh doanh, khối đầu tư, khối quản lý dự án, khối tài chính, khối nội chính, có nhiệm vụ thực hiện các nhiệm vụ hoạt động sản xuất kinh doanh hàng ngày, hoạt động huy động và quản lý vốn, phát triển thương hiệu, các hoạt động nhân sự... bên cạnh đó tham mưu, đề xuất Ban Tổng giám đốc các định hướng phát triển, hoạt động của Công ty.

Sơ đồ tổ chức:



4. Các công ty con, công ty liên kết và các lĩnh vực hoạt động:

TT	Ngành nghề kinh doanh và doanh nghiệp thành viên đảm nhiệm	Dự án đảm nhiệm thực hiện hiện nay
Đầu tư bất động sản		
1	Công ty trực tiếp thực hiện	<ul style="list-style-type: none"> - Foresa Villa (Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương) - Xuan Phuong Residence (Khu nhà ở VPTW Đảng, Báo nhân dân) - South buiding (Tòa nhà chung cư Pháp Vân) - Dự án khu đô thị mới Vân Canh (LK22,24,25,26,03, BT1) - Foresa Mỹ Đình (dự án ĐVO 1) - Dự án căn hộ cao cấp tại 48 Trần Duy Hưng - Dự án xây dựng nhà ở cho cán bộ nhân viên Bộ Ngoại giao. - Dự án văn phòng công ty.
2	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Kinh doanh bất động sản
Đầu tư dự án hạ tầng giao thông		
1	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Dự án nâng cấp mở rộng QL1 Quảng Bình (BOT Quảng Bình)
2	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường bộ mới đoạn từ Phủ Lý – thị trấn Mỹ Lộc (BT21)
3	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Dự án nâng cấp, mở rộng QL10 đoạn từ Quán Toan đến Cầu Nghìn Hải Phòng (BOT Hải Phòng)
4	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Dự án BT 39 và BOT 39 (Thái Bình)
5	Công ty TNHH MTV Tasco 6	BOT 10, BOT21, BOT Đông Hưng
6	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng Phú Thọ	BOT QL 32 Phú Thọ
Xây lắp/dịch vụ /bệnh viện/tư vấn, đào tạo/nông nghiệp/năng lượng		
1	Tổng công ty Thăng Long - CTCP	Cung cấp dịch vụ xây lắp
2	Công ty cổ phần Tasco Thành Công	Cung cấp dịch vụ vận tải, khai thác, nguyên vật liệu xây dựng.

3	Công ty Cổ phần VETC Công ty TNHH thu phí tự động VETC	Cung cấp dịch vụ thu phí, dịch vụ thu phí không dừng (ETC)
4	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Cung cấp dịch vụ tư vấn, đào tạo
5	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Cung cấp dịch vụ quản lý bất động sản
6	Công ty TNHH T'Hospital	Cung cấp dịch vụ y tế, bệnh viện
7	Công ty Cổ phần Bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2	Cung cấp dịch vụ y tế
8	Công ty Cổ phần bệnh viện Năng Mai	Cung cấp dịch vụ y tế
9	Công ty TNHH An Nhiên Food	Cung cấp sản phẩm nông nghiệp
10	Công ty Cổ phần Tasco Năng lượng	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện

BAN LÃNH ĐẠO



5. BAN LÃNH ĐẠO:

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ CÔNG TY:



Ông Phạm Quang Dũng
Chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1954
Quê quán : Hải Hậu – Nam Định
Trình độ chuyên môn : Quản trị kinh doanh
Số cổ phần nắm giữ : 26.015.802 cổ phần (Tỷ lệ: 9,68%)

Nếu ví Tasco là một con thuyền thì Chủ tịch Phạm Quang Dũng chính là người thuyền trưởng tài ba. Ông là người doanh nhân hội đủ Tâm – Tầm – Tài, cùng sự đầu đầu của khát vọng làm giàu từ những năm tháng tuổi trẻ và cả sự nung nấu của 15 năm công tác tại đơn vị Nhà nước. Bằng tài năng thiên bẩm, ý chí quật cường và tâm huyết mạnh mẽ, Ông đã vực dậy Công ty Cổ phần Tasco từ những khó khăn của thời gian còn là đơn vị thuộc quản lý nhà nước vươn mình thành một Tasco mạnh mẽ ngày nay.

Nghĩ đến Ông, người ta vừa thấy một lãnh đạo bình dị và mẫn cán, điềm đạm và kiên nghị, lại thấy cả vị thế của một Doanh nhân thời đại, cuồn cuộn nổi niềm dựng nghiệp. Nhưng trên tất cả, đó là một trái tim nhân hậu, thuần khiết. Ông chỉ có một tâm nguyện đó là được giúp tất cả những ước mơ muốn khẳng định trở thành hiện thực và đưa Tasco trở thành thương hiệu hàng đầu tại Việt Nam trong lĩnh vực Bất động sản.



Ông Nguyễn Việt Tân
Phó chủ tịch HĐQT

Năm sinh : 1980
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cầu đường
Số cổ phần nắm giữ: 1.072.141 cổ phần (Tỷ lệ: 0,4%)

Ông Nguyễn Việt Tân tốt nghiệp kỹ sư chuyên ngành Xây dựng Đường bộ - Đại học Giao thông Vận Tải Hà Nội.

Chức chỉ Giám đốc điều hành chuyên nghiệp của Viện Công nghệ Châu Á tại Việt Nam (AIT-VN).

Với bề dày kinh nghiệm cũng như sự am hiểu văn hóa của Tasco, ông Tân được đánh giá là người dám nghĩ - dám làm, có nhiều đường lối phát triển mang tính đột phá, cùng HĐQT Taso định hướng những sản phẩm kinh doanh mang tính chiến lược dài hạn.



Bà Trần Thị Thanh Tân
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1971
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Tài chính – đầu tư
Số cổ phần nắm giữ : 3.709.291 cổ phần (Tỷ lệ: 1,38%)

Hơn 20 năm công tác tại Công ty, với sự kiên trì bền bỉ và ước mơ mãnh liệt được vươn xa hơn cùng con thuyền Tasco, bà Tân đã từng bước thành công. Từ một chuyên viên kế toán, sau những năm tháng đồng sức vững lòng với Tasco, vinh danh đã chào đón với vị trí Phó Tổng giám đốc Tài chính rồi đến Ủy viên HĐQT.

Với tấm lòng của một trái tim yêu Tasco, vì Tasco, bà luôn tâm niệm một điều: mong Tasco sẽ là một thương hiệu mang tầm thế kỷ và những cán bộ làm việc dưới mái nhà này sẽ trở thành những triệu phú của Đất nước.



Bà Trần Hải Yến
Thành viên HĐQT

Năm sinh : 1987
Quê quán : Nam Định
Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
Số cổ phần nắm giữ : 2.225.600 cổ phần (Tỷ lệ: 0,83%)

Bà Trần Hải Yến có gần 10 năm hoạt động chuyên nghiệp trong lĩnh vực tài chính ngân hàng, với bằng tốt nghiệp cử nhân Khoa Kinh Tế Đối Ngoại – Đại học Ngoại Thương Hà Nội, Thạc sỹ Tài chính tại CFVG. Bằng các kinh nghiệm sâu rộng, bà Trần Hải Yến cùng đồng sự đang tập trung đưa Tasco theo đuổi một chiến lược tài chính vững mạnh và phát triển bền vững.

Bà Trần Hải Yến cũng là gương mặt trẻ nhất trong HĐQT của Tasco và được kỳ vọng sẽ tạo ra nhiều bút phá mới cho công ty.



Bà Phạm Thị Chi
Thành Viên HĐQT

Năm sinh : 1980
Quê quán : Hải Phòng, Hải Hậu, Nam Định
Trình độ chuyên môn : Luật
Số cổ phần nắm giữ : 2.105.118 cổ phần (Tỷ lệ: 0,78%)

Tốt nghiệp Cử nhân Luật, bà Phạm Thị Chi đã trải qua nhiều năm kinh nghiệm làm chuyên viên pháp lý, giám đốc cho các tổ chức, cơ quan nhà nước, công ty lớn trước khi gia nhập Công ty Cổ phần Tasco. Với năng lực, sự nhạy bén và nhiệt huyết, bà Phạm Thị Chi đã được Hội đồng quản trị công ty Tasco tin tưởng và bổ nhiệm làm Ủy viên HĐQT từ năm 2015. Bà Chi luôn tập trung chí hướng phấn đấu trở thành một thành viên ưu tú trong đội ngũ lãnh đạo thứ 2 của Tasco.



Bà Đỗ Thanh Hương
Thành Viên HĐQT

Năm sinh : 1964
Quê quán : Hà Nội
Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ QTKD
Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Bà Hương có hơn 20 năm kinh nghiệm đảm nhận nhiều vị trí quản lý cao cấp ngành tài chính, đầu tư tại các doanh nghiệp trong và ngoài nước như :Trưởng đại diện của Tập đoàn bảo hiểm AXA (Pháp) tại Hà Nội, Giám đốc Chi nhánh Hà Nội kiêm Giám đốc Phân tích và Tư vấn đầu tư Công ty chứng khoán Sài Gòn (SSI), Tổng Giám đốc Công ty Quản lý quỹ đầu tư chứng khoán IPA... Bà là người xây dựng thành công đội ngũ Phân tích và Tư vấn đầu tư đầu tiên trên Thị trường chứng khoán Việt Nam

Bà đã làm thành viên Hội đồng quản trị tại một số doanh nghiệp niêm yết (VND, IPA, SDU, Vikoda...), bà nhận thức rõ tầm quan trọng của việc thực hành các nguyên tắc tốt nhất trong quản trị doanh nghiệp.

Đến với Tasco với vai trò thành viên Hội đồng quản trị độc lập, bà Hương tiếp tục khẳng định năng lực lãnh đạo của mình, sát cánh cùng những thành viên Hội đồng quản trị xây dựng Tasco phát triển, quản trị doanh nghiệp minh bạch và hiệu quả, hướng tới sự ủng hộ, tin tưởng của các Cổ đông và Nhà đầu tư

Bà là Thạc sỹ QTKD trường Solvey Business School – ULB – Vương quốc Bỉ

BAN ĐIỀU HÀNH CÔNG TY:



Ông Nguyễn Văn Dương
Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1982

Nguyên quán : Thái Bình

Trình độ chuyên môn : Thạc sĩ Kỹ thuật và Công nghệ chuyên ngành Xây dựng

Số cổ phần nắm giữ : 559.861 cổ phần (Tỷ lệ: 0,21%)

Ông Nguyễn Văn Dương đã có thời gian hơn 7 năm đào tạo ở nước ngoài, tốt nghiệp Thạc sĩ Kỹ thuật và Công nghệ chuyên ngành Xây dựng, thuộc Cơ quan giáo dục Đại học chuyên nghiệp Quốc gia, trường Đại học Xây dựng Quốc gia, thành phố Rostov Liên Bang Nga. Trở về Việt Nam, gia nhập và đồng hành cùng Tasco từ năm 2009, ông Dương đã đảm nhiệm nhiều vị trí quản lý quan trọng như Giám đốc Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình, Giám đốc Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng.

Với tinh thần ham học hỏi, thẳng thắn trong công việc, Tổng Giám đốc Nguyễn Văn Dương đại diện cho sự trẻ hóa trong Ban lãnh đạo Công ty Cổ phần Tasco sẽ gắn kết, tạo động lực và sáng tạo để phát triển Công ty, xây dựng một văn hóa doanh nghiệp đầy sức trẻ và nhiệt huyết.



Ông Nguyễn Đình Siêu
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1970

Nguyên quán : Hà Nội

Trình độ chuyên môn : Kiến trúc sư

Số cổ phần nắm giữ : 239.440 cổ phần (Tỷ lệ: 0,09%)

Xuất phát điểm là tư vấn giám sát của chủ đầu tư Công ty LD Quốc tế Hồ Tây. Sau đó, với những nỗ lực của mình, ông trở thành Giám đốc Công ty CP Thương Mại Đầu tư tổng hợp và hợp tác Quốc tế GELEXIM – Chi nhánh Hà Nội.

Bắt đầu gia nhập công ty Tasco từ năm 2010 với vị trí chuyên viên Phòng quản lý dự án.

Với kiến thức, kinh nghiệm, năng lực và sự nhiệt huyết của mình, ông Siêu đã thuyết phục được ban lãnh đạo công ty tin tưởng và bổ nhiệm vào vị trí Giám đốc phòng Quản lý dự án. Ông Siêu nắm giữ chức vụ Phó tổng giám đốc khối Quản lý dự án từ năm 2012 đến nay.



Ông Khuất Trung Thắng
Phó Tổng Giám Đốc

Năm sinh : 1974
Nguyên quán : Hà Nội
Trình độ chuyên môn : Kỹ Sư Xây Dựng
Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần

Ông Khuất Trung Thắng gia nhập Tasco từ năm 2016 và hiện đảm nhiệm vị trí Phó TGD khối Đầu tư. Ông Khuất Trung Thắng tốt nghiệp Kỹ sư xây dựng – Trường Đại học Xây dựng Hà Nội và là chuyên gia có gần 20 năm kinh nghiệm trong lĩnh vực Quản lý quy hoạch, đầu tư xây dựng các dự án Bất động sản. Trước khi làm việc tại Tasco, ông Thắng là Ủy Viên HĐQT kiêm Phó TGD Công ty CP Đầu tư phát triển nhà HUD2 - Tổng công ty Đầu tư phát triển nhà và đô thị (HUD). Với kinh nghiệm và chuyên môn sâu trong lĩnh vực đầu tư xây dựng cơ bản, ông Thắng được kỳ vọng sẽ góp phần đưa lĩnh vực Bất động sản của Công ty phát triển vững chắc, chuyên nghiệp.

6. Định hướng phát triển:

Trong suốt gần 50 năm kể từ khi thành lập, Công ty cổ phần Tasco luôn hoạt động với tâm niệm vì sự bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi ích của các cổ đông. Định hướng chiến lược phát triển của Công ty dựa trên những nền tảng quan trọng sau đây:

- **Tầm nhìn**

Tạo ra không gian cho con người sống, đam mê, sáng tạo và cống hiến.

- **Sứ mệnh**

Tasco mang đến cho cộng đồng các sản phẩm nhà ở, khu đô thị và hạ tầng giao thông hài hòa với thiên nhiên và phù hợp với sự phát triển của văn minh xã hội.

- **Giá trị cốt lõi**

Cam kết: Vì mục tiêu phát triển trường tồn không bao giờ được thỏa mãn, không bao giờ chịu lùi bước và làm mọi cách có thể để vượt qua thách thức, vì lợi ích cổ đông, khách hàng, đối tác, cộng sự, cộng đồng địa phương và môi trường.

Hợp tác: Tinh thần hợp tác xuyên suốt trong mọi quan hệ của Tasco, khuyến khích phát triển nghề nghiệp và tôn trọng cá tính, chia sẻ cơ hội để phát triển nhóm, đội, cá nhân là phương pháp làm việc tốt nhất.

Tôn trọng: TASCOCO luôn đề cao các cá nhân và tính đa dạng, lắng nghe để hiểu mọi người, tiếp nhận mọi góp ý hành động với sự tôn trọng và tin tưởng.

Sáng tạo: Sáng tạo để khác biệt hóa sản phẩm là phương thức để tồn tại, vì vậy phải vượt qua thách thức để cải tiến không ngừng.

Học tập: Tạo dựng một tổ chức biết học hỏi, bằng việc không ngừng tự phê bình, xem lỗi lầm là những cơ hội để học hỏi, thay vì khiển trách cá nhân.

- **Các lĩnh vực hoạt động trong chiến lược phát triển của Công ty:**

Hiện nay Công ty cổ phần Tasco đang hoạt động và phát triển trên 4 lĩnh vực chính:

- ❖ **BẤT ĐỘNG SẢN:** Lấy năng lực lõi là chủ đầu tư các dự án hạ tầng giao thông để đầu tư Bất động sản theo hình thức đối đất lấy hạ tầng.
- ❖ **CÔNG NGHỆ:** Đầu tư hệ thống thu phí tự động không dừng trên toàn quốc và mở rộng phát triển công nghệ thu phí sang lĩnh vực khác: như bãi đỗ xe, thu phí nội đô, vé điện tử xe bus, tàu điện trên cao,...
- ❖ **NĂNG LƯỢNG :** Phát triển thị trường lĩnh vực Năng lượng theo các loại hình sản phẩm điện mặt trời, điện gió được hưởng chế độ ưu đãi tại các địa bàn có lợi thế về điều kiện tự nhiên.
- ❖ **HẠ TẦNG GIAO THÔNG:** Phát triển thị trường lĩnh vực thầu xây lắp theo các loại hình sản phẩm về Hạ tầng: Cầu, đường, thủy lợi, bến cảng, sân bay, hầm, metro, đường sắt.

7. Các nhân tố rủi ro:

a) Rủi ro về kinh tế:

Bất kỳ một nền kinh tế nào cũng luôn chứa đựng trong nó những rủi ro tiềm tàng nhất định. Những rủi ro đó hình thành từ chính sự biến động của các nhân tố cơ bản của nền kinh tế: tốc độ tăng trưởng kinh tế, lạm phát, lãi suất, tỷ giá hối đoái... Là một trong những chủ thể tham gia vào nền kinh tế, doanh nghiệp cũng không nằm ngoài những ảnh hưởng và tác động từ thay đổi của các nhân tố ấy.

Sự biến động của các biến số kinh tế vĩ mô như tốc độ tăng trưởng, lạm phát, lãi suất, tỷ giá, chính sách của Chính phủ thực hiện điều chỉnh các biến số kinh tế vĩ mô cũng như chính sách phát triển ngành sẽ có tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến hoạt động và kết quả kinh doanh của các doanh nghiệp.

Đối với ngành kinh doanh bất động sản, tốc độ tăng trưởng kinh tế là một nhân tố quyết định quan trọng. Một nền kinh tế tăng trưởng mạnh và ổn định sẽ kéo theo nhu cầu nhà ở, thuê văn phòng... gia tăng, và ngược lại, nền kinh tế tăng trưởng yếu, trì trệ sẽ ảnh hưởng tiêu cực đến hoạt động kinh doanh của ngành bất động sản, đầu tư xây dựng. Do đó, việc áp dụng các chính sách vĩ mô một cách hiệu quả của Chính phủ giúp giảm rủi ro về kinh tế đối với các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực đầu tư và kinh doanh bất động sản nói riêng, trong đó có Công ty

b) Rủi ro về lãi suất:

Đối với một doanh nghiệp thì rủi ro lãi suất là rủi ro khi chi phí trả lãi vay của doanh nghiệp cao hơn khả năng tạo ra lợi nhuận của doanh nghiệp và mức độ rủi ro về lãi suất cũng khác nhau giữa các ngành với nhau tùy theo cơ cấu nợ vay của các ngành đó.

Thị trường tiền tệ nói chung và lãi suất thị trường đã có dấu hiệu ổn định sẽ là yếu tố làm giảm chi phí vốn và rủi ro lãi suất của Công ty trong thời gian tới.

c) Rủi ro về luật pháp

Hoạt động của Công ty Cổ phần Tasco chịu sự điều chỉnh của các văn bản pháp luật chung như Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán, các văn bản pháp luật chuyên ngành như Luật Xây dựng, Luật Đấu thầu, Luật Đầu tư, các văn bản dưới luật như Nghị định về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định về Đầu tư tư hợp tác công tư..... Mặt khác, do đã là công ty đại chúng và có cổ phiếu niêm yết trên Sở Giao dịch chứng khoán, Công ty còn chịu sự điều chỉnh của các quy định pháp luật về chứng khoán và thị trường chứng khoán.

Hiện nay, hệ thống luật pháp đang trong quá trình hoàn thiện, sửa đổi. Để tạo ra một hành lang pháp lý thuận lợi, bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, đáp ứng các chuẩn mực, thông lệ Quốc tế trong quá trình hội nhập, Quốc hội đã ban hành nhiều bộ luật mới. Bên cạnh đó, Chính phủ cũng đã xây dựng chiến lược phát triển cơ sở hạ tầng, đặc biệt hạ tầng giao thông. Với hệ thống pháp luật, chính sách đang được xây dựng và thực thi theo hướng đồng bộ, nhất quán, sẽ tạo nhiều thuận lợi cho hoạt động kinh doanh của các doanh nghiệp nói chung và các doanh nghiệp hoạt động xây dựng như TASCOC nói riêng. Tuy nhiên, nếu Công ty không nắm bắt kịp sự thay đổi của hệ thống pháp luật thì có thể gây ảnh hưởng tới hoạt động của Công ty.

Để kiểm soát rủi ro về mặt luật pháp, Công ty luôn cập nhật những thay đổi trong môi trường luật pháp liên quan đến hoạt động của Công ty, từ đó đưa ra kế hoạch phát triển kinh doanh phù hợp.

II. BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC VỀ KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH NĂM 2018 VÀ KẾ HOẠCH NĂM 2019:

1. Tổng quan tình hình tài chính công ty:

a. Tình hình tài sản/nguồn vốn:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN			Tăng trưởng năm 2018	
Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	Giá trị	Tỷ lệ
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	1.789.831	2.117.560	327.729	18,31%
I. Tiền và tương đương tiền	324.184	142.527	(181.657)	-56,04%
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	246.331	60.400	(185.931)	-75,48%
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	995.955	1.667.039	671.084	67,38%
IV. Hàng tồn kho	48.422	78.661	30.239	62,45%
V. Tài sản ngắn hạn khác	174.939	168.934	(6.006)	-3,43%
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	8.978.995	8.713.540	(265.455)	-2,96%
I. Các khoản phải thu dài hạn	287.293	227.542	(59.751)	-20,80%
II. Tài sản cố định	2.754.790	2.913.207	158.417	5,75%
III. Bất động sản đầu tư	0	0		
IV. Tài sản dở dang dài hạn	5.367.931	4.764.734	(603.197)	-11,24%
V. Đầu tư tài chính dài hạn	319.653	483.788	164.135	51,35%
VI. Tài sản dài hạn khác	248.174	323.240	75.066	30,25%
VII. Lợi thế thương mại	1.154	1.028	(126)	
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	10.768.827	10.831.100	62.274	0,58%
C - NỢ PHẢI TRẢ	7.541.440	7.666.896	125.456	1,66%
I. Nợ ngắn hạn	1.028.185	1.656.528	628.343	61,11%
II. Nợ dài hạn	6.513.254	6.010.368	(502.887)	-7,72%
D - VỐN CHỦ SỞ HỮU	3.227.387	3.164.204	(63.183)	-1,96%
I. Vốn chủ sở hữu	3.227.387	3.164.204	(63.183)	-1,96%
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	0	0		
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	10.768.827	10.831.100	62.274	0,58%

b. Báo cáo kết quả sản xuất kinh doanh:

Đơn vị tính: Triệu đồng

BÁO CÁO KẾT QUẢ SẢN XUẤT KINH DOANH			Tăng trưởng năm 2018	
CHỈ TIÊU	Năm 2017	Năm 2018	Giá trị	Tỷ lệ
1. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	2.177.655	1.136.300	(1.041.355)	-47,82%
2. Giá vốn hàng bán	1.545.476	824.462	(721.014)	-46,65%
3. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	632.179	311.838	(320.341)	-50,67%
4. Doanh thu hoạt động tài chính	37.945	99.074	61.130	161,10%
5. Chi phí tài chính	171.266	142.135	(29.131)	-17,01%
6. Phần lãi lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	11.271	2.266	(9.005)	-79,90%
7. Chi phí bán hàng	31.428	33.609	2.182	6,94%
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	109.295	147.091	37.797	34,58%
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	369.407	90.342	(279.065)	-75,54%
10. Lợi nhuận khác	(1.880)	3.746	6.230	-299,23%
11. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	367.526	94.088	(272.834)	-74,40%
12. Chi phí thuế TNDN hiện hành	69.990	28.407	(41.582)	-59,41%
13. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	297.537	65.680	(231.252)	-77,93%
14. Lợi nhuận sau thuế công ty mẹ	304.831	77.236	(227.595)	-74,66%
15. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	1.470	306	(1.164)	-79,17%

2. Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh:

Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh năm 2018:

Đơn vị tính: Triệu đồng

TT	Các chỉ tiêu	Năm 2018			So với năm 2017
		Kế hoạch	Thực hiện	Tỉ lệ đạt kế hoạch (%)	
1	Tổng doanh thu	2.100.000	1.147.082	54,62%	52,18%
2	Lợi nhuận sau thuế	207.000	65.680	31,73%	22,07%

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc Công ty đã nỗ lực trong công tác bán hàng và thực hiện đầu tư tại các dự án để hoàn thành và bàn giao cho khách hàng. Tuy nhiên, Doanh thu từ hoạt động sản xuất kinh doanh hợp nhất năm 2018 bằng 54,62% so với kế hoạch năm và bằng 52,18% so với năm 2017. Lợi nhuận sau thuế bằng 31,73% kế hoạch năm và bằng 22,12% so với năm 2017.

Nguyên nhân doanh thu và lợi nhuận sau thuế năm 2018 không đạt kế hoạch như sau:

- Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ:

+ Doanh thu từ hoạt động kinh doanh BĐS: Chưa bàn giao hết sản phẩm bất động sản cho khách hàng tại dự án Xuan Phuong Residence, dự án khu đô thị mới Vân Canh. Một số dự án bất động sản của công ty đang trong quá trình thực hiện giải phóng mặt bằng và hoàn thiện hồ sơ pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền như dự án Foresa Mỹ Đình (dự án ĐVO 1), Dự án căn hộ cao cấp tại 48 Trần Duy Hưng...

+ Doanh thu từ hoạt động thu phí: Dự án BOT đoạn từ Cầu La Uyên đến cầu Tân Đệ tạm dừng thu phí từ tháng 6/2018, dự án BOT Mỹ Lộc tạm dừng thu phí từ tháng 7/2018, dự án BOT Hải Phòng thi công xong nhưng chưa được chấp thuận thu phí vì vậy doanh thu từ hoạt động thu phí cũng bị giảm theo.

- Giá vốn hàng bán: Do chi phí chưa tương ứng với doanh thu tại dự án thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên quốc lộ 1 và 14 là: Doanh thu trong giai đoạn đầu của dự án thấp đang tính theo bình quân 50% chi phí quản lý thu của các BOT trong khi đó chi phí ban đầu lớn dẫn đến chi phí khấu hao, chi phí vận hành lớn do trong giai đoạn đầu của dự án nhà đầu tư BOO phải tiếp nhận nhân sự của các BOT để thực hiện thu phí hỗn hợp (vừa ETC vừa MTC). Về mặt bản chất lợi nhuận của nhà đầu tư được nhà nước bảo đảm là 12%/vốn chủ sở hữu/năm.

- Chi phí quản lý doanh nghiệp tăng 34,58% so với năm 2017, nguyên nhân là do công ty tăng trích lập dự phòng nợ phải thu ngắn hạn khó đòi vào năm 2018.

- Về chỉ tiêu lợi nhuận: Do doanh thu giảm, chi phí tăng vì vậy lợi nhuận sau thuế của công ty cũng ảnh hưởng theo.

3. Tình hình tài chính của Công ty:

Đơn vị tính: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2017	Năm 2018	% tăng/giảm
Tổng giá trị tài sản/Tổng nguồn vốn	10.768.827	10.831.100	0,6%
Tài sản ngắn hạn	1.789.831	2.117.560	18,3%
Tài sản dài hạn	8.978.995	8.713.540	-3,0%
Nợ phải trả	7.541.440	7.666.896	1,7%
Doanh thu thuần	2.177.655	1.136.300	-47,8%
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	369.407	90.342	-75,5%
Lợi nhuận khác	(1.880)	3.746	-299,2%
Lợi nhuận trước thuế	367.526	94.088	-74,4%
Lợi nhuận sau thuế	297.537	65.680	-77,9%
Tỷ lệ trả cổ tức	12%		

Tổng tài sản và tổng nguồn vốn của Công ty năm 2018 là 10.831.100 triệu đồng, tăng 0,6% so với năm 2017. Tỷ lệ tăng trưởng thấp do trong năm 2018 Công ty chưa triển khai, đầu tư mở rộng.

Nợ phải trả của công ty năm 2018 tăng 125.456 triệu đồng so với năm 2017 tương đương tăng 1,7%. Năm 2018 chưa có tăng trưởng lớn về tổng nguồn vốn cũng như nợ phải trả.

Căn cứ tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh, Hội đồng quản trị đã xin thông qua tại Đại hội đồng cổ đông thường niên 2018 việc chi trả cổ tức năm 2017 với tỷ lệ 12%. Việc chi trả cổ tức năm 2017 cho cổ đông hiện hữu được thực hiện theo Nghị quyết số 22/NQ-HĐQT ngày 12/10/2018 của Hội đồng Quản trị Công ty, trong đó chi trả bằng tiền mặt 7%, cổ tức bằng cổ phiếu 5%.

4. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	31/12/2017	31/12/2018
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán		
- Hệ số khả năng thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	1,74	1,28
- Hệ số khả năng thanh toán nhanh (TSLĐ - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	1,69	1,23
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn		
- Hệ số Nợ/Tổng tài sản	0,70	0,71
- Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	2,34	2,42
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động		
- Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/HTK BQ)	34,37	12,98
- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	0,20	0,10
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời		
- Hệ số LN sau thuế/ Doanh thu thuần (%)	13,66%	5,78%
- Hệ số LN sau thuế/ Vốn CSH bình quân (%)	9,22%	2,08%
- Hệ số LN sau thuế/ Tổng tài sản (%)	2,76%	0,61%
- Hệ số LN từ hoạt động KD/Doanh thu thuần (%)	16,96%	7,95%

5. Tổ chức và nhân sự

5.1. Danh sách Ban điều hành: (xem tại trang 11 -15)

5.2. Những thay đổi trong ban điều hành:

Ông Trương Văn Thịnh:	Miễn nhiệm chức vụ Phó Tổng Giám đốc kinh doanh theo quyết định số 63/QĐ-TASCO ngày 28/04/2018
Ông Nguyễn Việt Tân	Bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chánh văn phòng HĐQT theo quyết định số 19/2018/QĐ-HĐQT ngày 21/9/2018

5.3. Số lượng cán bộ, nhân viên và chính sách đối với người lao động:

5.3.1. Số lượng cán bộ nhân viên:

Số lượng lao động của Công ty tại thời điểm 31/12/2018 là 90 người, trong đó:

- Phân theo trình độ	:
+ Trên đại học	: 15
+ Đại học	: 65
+ Cao đẳng, trung cấp	: 3
+ Công nhân kỹ thuật, lao động phổ thông:	7
- Phân theo chức năng	:
+ Lao động gián tiếp	: 49
+ Lao động trực tiếp	: 41

5.3.2. Chính sách đối với người lao động:

Nhằm vươn tới mục tiêu phát triển bền vững và lâu dài, Công ty đã xây dựng và thực hiện chính sách đối với người lao động theo định hướng sau:

- Hỗ trợ và tạo mọi điều kiện để người lao động phát huy khả năng trong học tập nâng cao kiến thức chuyên môn nghiệp vụ.

- Đào tạo và sắp xếp nguồn nhân lực phù hợp với tình hình phát triển của Công ty.

- Đảm bảo công việc đầy đủ cho người lao động, đảm bảo thu nhập phù hợp với khả năng cống hiến và thị trường.

- Thực hiện đầy đủ quyền lợi và nghĩa vụ đối với người lao động theo đúng với chế độ, chính sách quy định.

- Có chính sách khen thưởng kịp thời đối với cá nhân và tập thể có công lao đóng góp cho Công ty, có biện pháp kỷ luật đối với những cá nhân có hành động ảnh hưởng xấu đến quyền lợi và uy tín Công ty.

- Có chính sách đãi ngộ thu hút lao động giỏi, phù hợp về Công ty và chính sách khuyến khích CBCNV gắn bó, làm việc lâu dài tại Công ty như: chính sách thăm quan du lịch cho CBCNV, chính sách chăm sóc sức khỏe, khám sức khỏe định kỳ, chính sách nghỉ lễ, tết, ốm đau, thai sản, hiếu, hỷ...

- Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động tập thể nhân dịp kỷ niệm những ngày lễ lớn và khuyến khích, động viên tinh thần người lao động như: Tết thiếu nhi, tết trung thu, kỷ niệm

ngày Quốc tế Phụ nữ 8/3; kỷ niệm ngày Phụ nữ Việt Nam 20/10; thưởng cho con em CBCNV đạt thành tích cao trong học tập;...

- Nhằm nâng cao tinh thần làm việc và trách nhiệm với xã hội công ty còn định kỳ tổ chức Tembuilding, phối hợp với các tổ chức đoàn thể để tham gia các hoạt động từ thiện

- Hàng năm, Công ty cũng luôn xây dựng kế hoạch, thực hiện đào tạo và đào tạo lại, trình độ cho người lao động bằng nhiều hình thức, nhằm phát triển đội ngũ cán bộ công nhân viên, đáp ứng yêu cầu đa dạng hóa ngành nghề của Công ty, theo kịp trình độ công nghệ của các nước tiên tiến trên thế giới.

- Công ty xây dựng chính sách đào tạo cho riêng từng cấp: cho cấp quản lý và cho nhân viên, Điều này chứng tỏ Ban lãnh đạo Công ty rất chú trọng đến công tác đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, cũng chính là tạo điều kiện và cơ hội cho toàn thể CBNV của mình phát huy năng lực, khẳng định bản lĩnh của cá nhân trong xu thế phát triển của Công ty.

6. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý:

Trong năm 2018, Ban Tổng Giám đốc đã tập trung công tác quản lý điều hành sản xuất kinh doanh; tập trung vào một số việc như sau:

- Phân công trách nhiệm và phân định rõ quyền và phương pháp trao đổi, phối hợp giữa Ban Tổng Giám đốc và Hội đồng quản trị.

- Vận hành hệ thống Kế hoạch - Báo cáo toàn Công ty; áp dụng và duy trì Hệ thống KPI trong toàn hệ thống gắn kết giữa mục tiêu từ Công ty - các khối - các phòng - ban và từng CBNV Công ty.

- Xây dựng kế hoạch công việc, xác lập và đánh giá mục tiêu của từng bộ phận theo từng tháng, quý, kiểm soát tiến độ của các công việc trọng yếu.

- Thường xuyên, liên tục rà soát kế hoạch tài chính, kế hoạch dòng tiền nhằm cân đối tài chính trong điều kiện nguồn vốn khó khăn, đảm bảo dòng tiền phục vụ cho SXKD, chi trả nợ vay ngân hàng.

- Công tác phát triển nguồn nhân lực: Tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng nhân sự kế thừa của Công ty.

- Tiếp tục triển khai dự án tư vấn của Công ty TNHH KPMG nhằm nâng cao hệ thống kiểm soát nội bộ và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng nhằm hạn chế rủi ro trong hoạt động kinh doanh và bảo toàn vốn cho cổ đông

- Duy trì hệ thống các quy trình theo tiêu chuẩn ISO 9001:2008.

- Công tác công bố thông tin được thực hiện đầy đủ, kịp thời, trung thực theo đúng quy định của Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội và UBCKNN. Bên cạnh đó, đẩy mạnh và chú trọng công tác Quan hệ cổ đông, thường xuyên gặp gỡ, trao đổi với các nhà đầu tư, quỹ đầu tư, các nhà môi giới, chuyên gia phân tích của các công ty chứng khoán.

7. Tình hình đầu tư, thực hiện các dự án:

Các dự án đầu tư tiêu biểu:

CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ



1

DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN

2

DỰ ÁN HẠ TẦNG GIAO THÔNG

3

DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THU PHÍ TỰ ĐỘNG KHÔNG DỪNG

4

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG

CÁC DỰ ÁN BẤT ĐỘNG SẢN



KHU ĐÔ THỊ
SINH THÁI
FORESA VILLA



XUÂN
PHƯƠNG
RESIDENCE



SOUTH
BUILDING



KHU ĐÔ THỊ
FORESA
MỸ ĐÌNH



48
TRẦN DUY
HƯNG

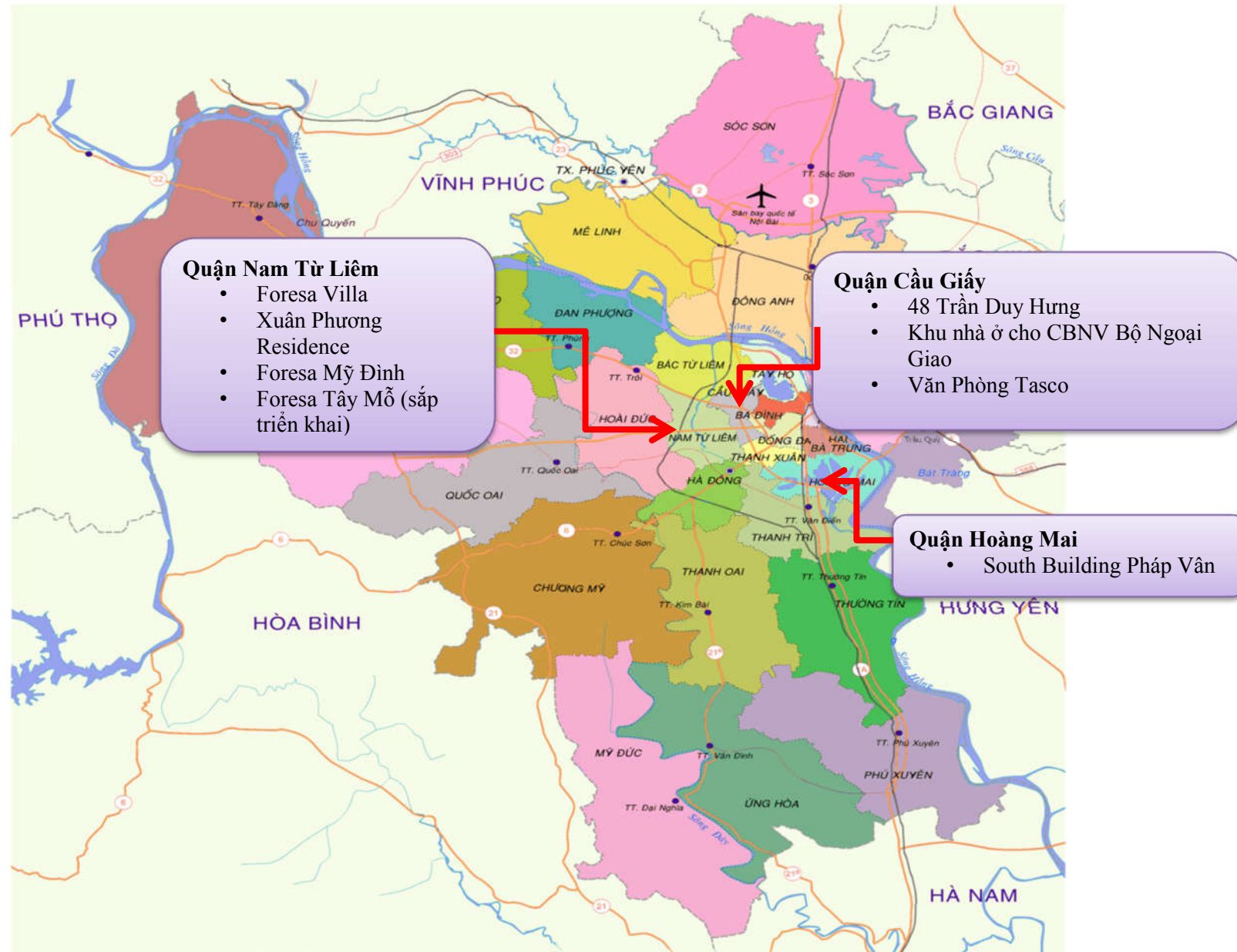


KHU NHÀ Ở
CBNV
BỘ NGOẠI GIAO



TÒA NHÀ
VĂN PHÒNG
TASCO

Đến nay, 90% các dự án Bất động sản đang và sắp triển khai của Tasco nằm ở Phía Tây Hà Nội – điểm nóng BĐS của Thành phố. Bao gồm tại 2 quận: Nam Từ Liêm & Cầu Giấy.





FORESA VILLA – KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI XUÂN PHƯƠNG

- **Vị trí:** Phường Xuân Phương, Quận Nam Từ Liêm, TP Hà Nội
- **Diện tích:** 38ha
- **Quy mô:** 813 căn nhà ở thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMDT:** 2.850 tỷ đồng
- **Chức năng:** Foresa Villa tọa lạc tại trung tâm quận Nam Từ Liêm, là khu đô thị sinh thái đầu tiên tại Hà Nội mang lại cảm xúc thiên nhiên xanh tựa Rừng Trong Phố, với công viên trung tâm rộng hơn 4ha, mật độ xây dựng thấp 30%, cùng diện tích cây xanh mặt nước rộng lớn. Cư dân Foresa không chỉ tận hưởng không gian xanh trong lành mà còn hưởng lợi từ hệ thống hạ tầng hoàn thiện và các tiện ích nội khu thuận lợi.
- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán được 535/813 căn (278 căn còn lại là của nhà đầu tư thứ cấp), hiện đã bàn giao toàn bộ cho khách hàng.





XUÂN PHƯƠNG RESIDENCE

- **Vị trí:** P.Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội
- **Diện tích:** 3,95 ha
- **Quy mô:** 6 tòa chung cư cao 17 tầng , 126 căn nhà liền kề
- **TMĐT:** 1.100 tỷ đồng
- **Chức năng:** Nhà ở thấp tầng và nhà ở chung cư cao tầng. Tiện ích: khu vui chơi ngoài trời cho trẻ em vào các khoảng xanh công viên nhỏ, bố trí đan xen giữa các tòa nhà mang đến cảnh quan đẹp, môi trường sống nhẹ nhàng, thanh bình, là nơi các cư dân thoải mái bước dạo chơi sau một ngày làm việc mệt mỏi.

- Công tác bán hàng của dự án:

+ Nhà cao tầng:

Lô 3 (gồm 2 tòa E, F) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho khách hàng được 234/234 căn.

Lô 1,2 (gồm 4 tòa A,B,C,D) cao 17 tầng, trong đó phần của Tasco được kinh doanh là 4 tầng của mỗi tòa (từ tầng 14-17): Đã bán và bàn giao cho toàn bộ khách hàng 408/408 căn.

Hiện còn 02 sản thương mại là chưa thực hiện kinh doanh.

+ Nhà thấp tầng: Đã thực hiện bán và bàn giao cho khách hàng được 126/126 căn.





SOUTH BUILDING

- **Vị trí:** Khu đô thị mới Pháp Vân - Tứ Hiệp, Quận Hoàng Mai, Hà Nội
- **Diện tích:** 2.173 m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 16 tầng
- **TMDT:** 211 tỷ đồng
- **Chức năng:** Có chức năng hỗn hợp gồm văn phòng, TMDV và căn hộ chung cư
- **Tiện ích:** tòa nhà duy nhất sở hữu 2 tầng hầm rộng, bao gồm nhà trẻ, văn phòng, khu dịch vụ thuận tiện. Bên cạnh đó cư dân sinh sống sẽ được hưởng lợi từ không gian trong lành từ công viên Yên Sở.
- **Tiến độ bán hàng:** Đã bán và bàn giao cho khách hàng được 140/140 căn và 2 sàn thương mại.



FORESA MỸ ĐÌNH

- **Vị trí:** P. Xuân Phương – Q.Nam Từ Liêm - Tp. Hà Nội
- **Diện tích:** 49ha
- **Quy mô:** 660 căn hộ thấp tầng (biệt thự đơn lập, song lập, nhà liền kề, nhà shop-house)
- **TMĐT:** dự kiến 3.500 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu đô thị sinh thái bao gồm các tiện ích kèm theo như: nhà trẻ, trường tiểu học, khu trung tâm thương mại dịch vụ, nhiều cây xanh, khu công viên công cộng...mang tới cho cư dân một cuộc sống hoàn hảo, tiện nghi và lãng mạn; đồng thời tạo nên những điểm nhấn khác biệt.
- **Tiến độ dự án:** Dự án đã được phê duyệt quy hoạch 1/500 và được Ủy ban nhân dân thành phố Hà Nội chấp thuận làm chủ đầu tư dự án. Hiện dự án đang trong quá trình GPMB cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý để triển khai đầu tư dự án.





DỰ ÁN 48 TRẦN DUY HƯNG

- **Vị trí:** P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** Tòa nhà cao 25 tầng
- **TMDT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Khu căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê, Tòa nhà 48 Trần Duy Hưng là dự án căn hộ cao cấp kết hợp văn phòng cho thuê giữa trung tâm thành phố Hà Nội. Với lợi thế vị trí và hạ tầng kết nối hoàn hảo, dự án được kỳ vọng sẽ đem lại một điểm nhấn mới và là sự lựa chọn của nhiều khách hàng, doanh nghiệp.

Hiện công ty đang tập trung công tác GPMB cũng như hoàn thiện các thủ tục pháp lý của dự án để triển khai đầu tư dự án.



DỰ ÁN XÂY DỰNG NHÀ Ở CHO CBNV BỘ NGOẠI GIAO

- **Vị trí:** Đường Trần Quốc Hoàn, Quận Cầu Giấy, TP Hà Nội
- **Diện tích:** 13.770m²
- **Quy mô:** 2 tòa 27 tầng
- **TMDT:** 2.000 tỷ đồng
- **Chức năng:** Với thiết kế hiện đại và vị trí trung tâm, dự án Nhà ở cho CBNV Bộ Ngoại Giao gây ấn tượng cho khách hàng bằng tiện ích hoàn hảo với khu shop house sầm uất, bể bơi, phòng gym, khu sinh hoạt cộng đồng trên cao và sân chơi trẻ em...
- Hiện nay công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với các cơ quan nhà nước để có thể triển đầu tư dự án.
- * Lợi nhuận gộp của dự án là 12%/tổng mức đầu tư

DỰ ÁN TÒA NHÀ VĂN PHÒNG TASCO

- **Vị trí:** P. Trung Hòa, Q. Cầu Giấy, TP. Hà Nội
- **Diện tích:** 2.800m²
- **Quy mô:** 28 tầng, là tổ hợp khách sạn, văn phòng cho thuê, trung tâm thương mại, không gian sinh hoạt cộng đồng và office-tel
- **TMĐT:** 700 tỷ đồng
- **Chức năng:** Tòa nhà Tasco tọa lạc tại đường Dương Đình Nghệ - trung tâm đô thị mới của Quận Cầu Giấy, với các chức năng thương mại được thiết kế hài hòa nhằm tối ưu hóa công năng sử dụng và tận dụng tầm nhìn trên cao hướng ra bốn phía thành phố.
- **Tiến độ dự án:** Hiện công ty đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để triển khai thực hiện đầu tư dự án



CÁC DỰ ÁN ĐẦU TƯ Hạ Tầng Giao Thông

TASCO nhà đầu tư uy tín trong lĩnh vực hạ tầng giao thông theo các hình thức BOT và BT với việc xây dựng nhiều tuyến đường huyết mạch tại miền Bắc và miền Trung Việt Nam.



DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA TP. HẢI PHÒNG (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN ĐẦU TƯ XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG BỘ MỚI ĐOẠN PHỦ LÝ - MỸ LỘC



DỰ ÁN CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 10 ĐOẠN QUA TỈNH THÁI BÌNH (HỢP ĐỒNG BOT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG TUYẾN ĐƯỜNG TỪ ĐƯỜNG LÊ ĐỨC THỌ ĐẾN ĐƯỜNG 70 (HỢP ĐỒNG BT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG CÔNG TRÌNH NÂNG CẤP ĐƯỜNG TỈNH 39B THÁI BÌNH (HỢP ĐỒNG BT)



DỰ ÁN XÂY DỰNG CẢI TẠO, NÂNG CẤP QUỐC LỘ 1 (HỢP ĐỒNG BOT)



Dự Án BOT Quảng Bình (Nâng Cấp Mở Rộng QL1)

- Quy mô dự án: Tiêu chuẩn đường phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- Tổng mức đầu tư dự án: 1.983 tỷ đồng
- Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án: 21 năm 9 tháng tính từ tháng 7/2015.
- Lợi nhuận Nhà đầu tư: 11,5%/VCSH/Năm

Dự Án BOT Quốc Lộ 10 (Quán Toan – Cầu Ngàn)

- Tổng mức đầu tư dự án: 2.815 tỷ đồng
- Quy mô đường: phố chính đô thị thứ yếu + Đường cấp III đồng bằng
- Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án: 14 năm 11 tháng
- Lợi nhuận Nhà đầu tư: 11,5%/VCSH/Năm
- Tiến độ dự án: Đã hoàn thành toàn bộ dự án và đưa vào sử dụng tháng 3/2018. Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý và bắt đầu thu phí hoàn vốn cho dự án từ ngày 04/01/2019



Dự Án BOT uyển tránh Đông Hưng- Thái Bình

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 434 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** cấp 2 đồng bằng
- Dự án đã hoàn thành đưa vào sử dụng từ tháng 5/2018. Hiện nhà đầu tư đang hoàn thiện các thủ tục pháp lý với cơ quan nhà nước có thẩm quyền về trạm thu phí cũng như triển khai đầu tư trạm thu phí tại dự án để thực hiện thu phí hoàn vốn cho dự án, dự kiến vào tháng 7/2019.
- **Thời gian thu phí hoàn vốn dự kiến:** 7 năm 7 tháng
- **Lợi nhuận Nhà đầu tư:** 11,5%/VCSH/Năm



Dự Án BOT 21 (Tuyến Đường Tránh Nam Định)

- **Tổng mức đầu tư dự án:** 487 tỷ đồng
- **Quy mô đường:** đường phố chính đô thị
- **Thời gian hoàn vốn dự án:** 18,5 năm tính từ tháng 8/2009 đến tháng 12/2027.
- **Lợi nhuận Nhà đầu tư:** 18%/VCSH/Năm
- Tạm dừng thu phí từ tháng 7/2018, đã thực hiện thu lại sau khi điều chỉnh giá phí từ 20/03/2019



Dự án BOT 39 (Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình)

- Quy mô dự án: Tổng chiều dài toàn tuyến: 16,62Km.
- Tổng mức đầu tư dự án: 550 tỷ đồng
- Thời gian hoàn vốn dự kiến của dự án: 18 năm tính từ 1/1/2017
- Lợi nhuận Nhà đầu tư: 11,5%/VCSH



Dự Án BT 21 (Phủ Lý – Mỹ Lộc)

- Tổng mức đầu tư dự án: 3.800 tỷ đồng
- Quy mô đường : phố chính đô thị + Đường cấp III đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2010-2014
- Giá trị quyết toán: 3.761 tỷ đồng
- Lợi nhuận của Nhà đầu tư: 14%/tổng mức đầu tư Giá trị Nhà nước đã thanh toán: 3.694 tỷ đồng
- Giá trị Nhà nước còn phải thanh toán: 29,9 tỷ đồng



Dự Án BT 39 Thanh Nê, Diêm Điền, Thái Bình

- Tổng mức đầu tư dự án: 1.882 tỷ đồng
- Quy mô đường: cấp 3 đồng bằng
- Thời gian thực hiện: 2010-2015
- Tiến độ thực hiện dự án: Hiện dự án đã hoàn thành bàn giao và đưa vào sử dụng
- Giá trị dự kiến quyết toán: 1.759 tỷ đồng
- Lợi nhuận của Nhà đầu tư: 14%/tổng mức đầu tư (không bao gồm lãi vay, chi phí dự phòng)
- Giá trị Nhà nước còn phải thanh toán: 238 tỷ đồng.



Dự Án BT Lê Đức Thọ (Đoạn từ đường Lê Đức Thọ đến Đường 70)

- Tổng mức đầu tư dự án: 1.543 tỷ đồng
- Tổng chiều dài toàn tuyến: 3,5 km; Quy mô đường đô thị.
- Tiến độ dự án: Dự án đã hoàn thành và đưa vào khai thác sử dụng từ 28/4/2018.
- Các dự án đối ứng để hoàn vốn cho dự án:
 - Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương (Foresa Villa)
 - Dự án tòa nhà 48 Trần Duy Hưng
 - Đơn vị ở 1 (Foresa Mỹ Đình)

DỰ ÁN THU PHÍ KHÔNG DỪNG THEO HÌNH THỨC HỢP ĐỒNG BOO

Công ty cổ phần VETC – Công ty con của Tasco, được thành lập với mục tiêu trở thành nhà đầu tư và vận hành hệ thống thu phí tự động không dừng (ETC) trên nền tảng công nghệ RFID (của Mỹ). Mong muốn của VETC là mang đến giải pháp thu phí ứng dụng công nghệ hiện đại góp phần tăng tốc sự phát triển chung của lĩnh vực Giao thông Vận tải nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Theo quyết định của Bộ Giao thông vận tải, phạm vi dự án gồm 605 làn/44 trạm thu phí, Trong đó: VETC thực hiện lắp đặt là 187 làn/27 trạm, Nhà đầu tư BOT lắp đặt và kết nối Back-End là 418 làn/17 trạm. Tình hình thực hiện cụ thể như sau:

a) Đối với các làn thu phí do VETC lắp đặt hệ thống (187/27 trạm):

- 84 làn/23 trạm đã vận hành hệ thống thu phí ETC. Đã hoàn thành lắp đặt 06 làn/03 trạm (Tư Nghĩa, Quán Hàu, Đông Hà);
- Còn 97 làn/18 trạm chưa đủ điều kiện thi công và đang hoàn thiện thủ tục pháp lý để triển khai thi công.

b) Đối với các trạm thực hiện kết nối Back-End (418 làn/17 trạm):

- 23 làn/04 trạm đã vận hành kết nối (Tân Đê, Mỹ Lộc, Tiên Cự, An Sương – An Lạc).
- Còn 395 làn/17 trạm chờ Nhà đầu tư BOT hoàn thành triển khai lắp



c. Về dán thẻ, sử dụng dịch vụ:

- Số lượng xe đã được dán thẻ đến nay là 706.835/3.000.000 xe (đạt 23,41% tổng số xe cả nước), tỷ lệ xe đã sử dụng dịch vụ thu phí ETC đạt 18.92%/tổng xe đã dán thẻ.
- Tại các trạm đã vận hành ETC: Tỷ lệ xe vé tháng/quý đã sử dụng hình thức ETC trung bình đạt khoảng 70%/tổng xe vé tháng/quý của trạm; doanh thu thu phí qua ETC trung bình chỉ đạt 12%/tổng doanh thu các trạm.

d. Kế hoạch triển khai đầu tư năm 2019.

- Ký kết Phụ lục hợp đồng BOO, Hợp đồng dịch vụ thu phí với các nhà đầu tư BOT để thực hiện triển khai đầu tư, kết nối toàn bộ các làn tại các trạm thu phí nằm trong dự án BOO và làm cơ sở để nhà đầu tư BOO thực hiện trích doanh thu theo phương án tài chính đã được duyệt.
- Đẩy mạnh công tác truyền thông đến các chủ phương tiện về các tiện ích khi sử dụng hệ thống thu phí không dừng ETC.
- Đẩy mạnh công tác dán thẻ E-Tag trên phạm vi toàn quốc đặc biệt là tập trung vào các trung tâm cửa ngõ của Hà Nội và Thành phố Hồ Chí Minh.

DỰ ÁN ĐẦU TƯ NĂNG LƯỢNG

❖ Tổng quan

- Chủ đầu tư: Công ty CP Tasco Năng Lượng
- Địa điểm: Phước Minh, Thuận Nam, Ninh Thuận
- Quy mô: 49 Mw
- Tổng mức đầu tư: 1,356 tỷ đồng

❖ Tiến độ đến 31/12/2018

- Đã ký hợp đồng mua bán điện với EVN
- Tổng diện tích đã giải phóng mặt bằng đạt 67.5 ha trên tổng số 73.5 ha
- Tiến độ thi công đạt 20% tổng dự án.

❖ Kế hoạch triển khai đầu tư năm 2019

- Hoàn thành dự án trước 30/05/2019
- Phát điện thương mại trước ngày 30 tháng 6 năm 2019.



8. Kế hoạch phát triển trong tương lai:

Từ năm 2009, Công ty mở rộng hoạt động kinh doanh sang lĩnh vực kinh doanh bất động sản. Là một doanh nghiệp mới trong ngành, nhưng Công ty cũng đã nhanh chóng vươn lên thành một doanh nghiệp có vị thế tại thị trường bất động sản tại Hà Nội. Các dự án mà Tasco tham gia đều có vị trí tương đối thuận lợi tại các quận mới của Hà Nội và dự kiến sẽ mang lại khoản lợi nhuận đáng kể cho Công ty với sự hỗ trợ mạnh từ ngành xây lắp truyền thống.

Theo Chiến lược đô thị hóa của Nhà nước, nhu cầu xây dựng nhà ở đến năm 2020 phải đạt chỉ tiêu diện tích nhà ở bình quân là 18-20m²/người theo các chương trình phát triển nhà nhằm cung cấp các loại nhà ở phù hợp với các đối tượng xã hội có nhu cầu và mức thu nhập khác nhau. Xây dựng các công trình phục vụ công cộng, bảo đảm dành từ 3-5m² đất/người, đáp ứng nhu cầu vật chất và tinh thần của nhân dân ở từng đô thị, dành 5% quỹ đất đô thị cho xây dựng công trình phục vụ công cộng. Theo xu hướng trên, nhu cầu về nhà ở của Thủ đô Hà Nội trong những năm tới còn rất lớn, tạo điều kiện cho sự phát triển bền vững và ổn định của Công ty.

Với sự gia tăng tốc độ đô thị hoá như trên, ngành bất động sản được dự báo là có nhiều tiềm năng phát triển. Đặc biệt từ cuối năm 2013, thị trường bất động sản đang có tín hiệu phục hồi và tăng trưởng tốt ở các phân khúc nhà ở dành cho người có thu nhập thấp và trung bình.

Để đưa Công ty phát triển phù hợp với xu thế phát triển của nền kinh tế, trong các năm tiếp theo, Ban lãnh đạo Công ty có những kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh như sau:

- Xây dựng thương hiệu Công ty, văn hoá doanh nghiệp làm nền tảng cho việc xây dựng đội ngũ người lao động mang phong cách và văn hoá Tasco, xây dựng Tasco là ngôi nhà thứ hai, là mái nhà chung đối với người lao động.

- Xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, hoạch định nguồn nhân lực trong từng giai đoạn phát triển của Công ty, có chính sách, chế độ đãi ngộ phù hợp để thu hút nhân tài. Xác định con người là nguồn lực quan trọng nhất trong tất cả các nguồn lực để phát triển sản xuất kinh doanh, là nhân tố quyết định sự tồn tại và phát triển của doanh nghiệp.

- Xây dựng hoàn thiện hệ thống các quy chế quản lý để Hội Đồng Quản Trị thực hiện kiểm soát hoạt động của Ban Tổng Giám đốc, kiểm tra việc đầu tư tài chính vào các công ty con thông qua hệ thống kiểm soát bằng các quy chế quản lý và hoạt động của hệ thống kiểm toán.

- Cơ cấu tổ chức: Hoạt động của Công ty theo mô hình công ty mẹ - công ty con. Đối với các dự án lớn Công ty sẽ góp vốn thành lập công ty con để thực hiện dự án này.

- Xây dựng, áp dụng, duy trì và cải tiến liên tục hệ thống quản trị chất lượng trong toàn công ty, hoàn thiện các quy trình cho phù hợp với thực tế sản xuất kinh doanh.

- Tất cả để hướng tới khách hàng: Luôn tận tâm vì sự hài lòng của khách hàng, xây dựng mối quan hệ với các khách hàng nhằm tăng thêm giá trị, lợi ích và luôn vượt lên sự mong đợi của khách hàng.

- Kết hợp với một số nhà đầu tư có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm đầu tư để thực hiện một số dự án hạ tầng giao thông, dự án điện sạch và các dự án khác.

- Định hướng phát triển của Công ty nêu trên là phù hợp với định hướng phát triển của ngành và nền kinh tế hiện nay.

III. BÁO CÁO QUẢN TRỊ:**1. Hội đồng quản trị Công ty:****1.1. Thông tin về thành viên Hội đồng quản trị (HDQT):**

Stt	Thành viên HDQT	Chức vụ	Số buổi họp HDQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp (%)	Lý do không tham dự họp
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HDQT	52	98,11%	Đi công tác
2	Nguyễn Viết Tân	Phó CT HDQT	53	100,00%	
3	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HDQT	52	98,11%	Đi công tác
4	Phạm Thị Chi	Thành viên HDQT	49	92,45%	Đi công tác
5	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HDQT	49	92,45%	Chưa là TV HDQT
6	Trần Hải Yên	Thành viên HDQT độc lập	52	98,11%	Đi công tác

1.2. Hoạt động giám sát của HDQT đối với Ban Tổng Giám đốc:

Thực hiện theo đúng quy định tại điều lệ của Công ty, các quy định, quy chế quản lý nội bộ và Pháp luật hiện hành, Hội đồng Quản trị đã giám sát Ban Tổng Giám đốc thông qua những hoạt động cụ thể như sau:

- Thường xuyên giám sát Ban điều hành thực hiện các Nghị quyết, Quyết định của Đại hội Đồng Cổ đông và Hội đồng Quản trị, Điều lệ công ty đã ban hành.
- Giám sát công tác chỉ đạo và điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh, hoạt động đầu tư; đánh giá việc thực hiện kinh doanh, đầu tư để đảm bảo hoàn thành kế hoạch năm 2018 đã đề ra.
- Giám sát tình hình quản lý tài chính của Công ty, quản lý các chi phí đầu tư để phòng ngừa những rủi ro trong hoạt động sản xuất kinh doanh.
- Giám sát việc thực hiện chấp hành và tuân thủ các quy định pháp luật, chế độ báo cáo, công bố thông tin kịp thời, chính xác.

1.3. Hoạt động của các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị:

STT	Tiểu ban	Nhiệm vụ chính
1	Tiểu ban chiến lược và đầu tư	<ul style="list-style-type: none"> - Định hướng xây dựng và đề xuất phê duyệt chiến lược tổng thể; - Giám sát thực hiện chiến lược thông qua các báo cáo định kỳ về các vấn đề chiến lược, đầu tư; - Thảo luận và đề xuất phê duyệt kế hoạch kinh doanh cho công ty và các công ty con; - Đề xuất phê duyệt các dự án đầu tư thuộc thẩm quyền (theo cơ chế phân quyền); - Định hướng xây dựng và đặt mục tiêu cho doanh nghiệp; - Đề xuất phê duyệt kế hoạch tài chính và phân bổ vốn; - Giám sát hiệu quả hoạt động so với mục tiêu/kế hoạch.
2	Tiểu ban nhân sự và văn hóa doanh nghiệp	<ul style="list-style-type: none"> - Xây dựng chiến lược phát triển nhân sự (tuyển dụng, duy trì nhân tài, chế độ lương thưởng/đãi ngộ) - Giám sát đánh giá kết quả công việc của các cá nhân chủ chốt và cân đối giữa hiệu quả công việc với chế độ đãi ngộ; Giám sát việc xây dựng và vận hành hệ thống lương thưởng; - Hỗ trợ HĐQT trong việc đề xuất và lựa chọn các ứng viên cho các vị trí điều hành và các vị trí HĐQT khi có yêu cầu; - Giám sát và lập kế hoạch cho việc phát triển nhân sự kế thừa; - Định hướng xây dựng văn hóa doanh nghiệp; - Đảm bảo công ty tuân thủ các tiêu chuẩn đạo đức và đóng góp vào việc xây dựng một bầu không khí tin cậy lẫn nhau trong công ty; - Phát hiện và ngăn chặn những vi phạm của công ty đối với các quy định của pháp luật và các tiêu chuẩn đạo đức.
3	Tiểu ban kiểm toán và Quản trị rủi ro	<ul style="list-style-type: none"> - Đánh giá một cách độc lập về sự phù hợp và tuân thủ các chính sách pháp luật, Điều lệ, các quyết định của ĐHĐCĐ, các quyết định/quy chế của HĐQT; - Kiểm tra, đánh giá việc tuân thủ các chính sách, quy chế và quy trình nội bộ trong hoạt động kinh doanh; - Thực hiện chức năng quản trị rủi ro các hoạt động của Công ty thông qua việc yêu cầu và phối hợp với các bộ phận liên quan trong Công ty thu thập, phân tích và đề ra các giải pháp xử lý cần thiết đối với các sự kiện chứa đựng nguy cơ rủi ro có thể phát sinh trong hoạt động kinh doanh của Công ty.
4	Tiểu ban tài chính và kế toán	<ul style="list-style-type: none"> - Thẩm định, giám sát và đánh giá kết quả thực hiện các mục tiêu và kế hoạch Tài chính-Kế toán của Công ty; - Chủ trì xây dựng, sửa đổi hệ thống quản trị tài chính và hệ thống kế toán tại Công ty; - Tư vấn xây dựng hệ thống quản trị tài chính và kế toán tại công ty con; - Duy trì và phát triển quan hệ với các đối tác tài chính lớn, các cơ quan quản lý nhà nước liên quan; - Tham gia lập chiến lược và giám sát thực hiện chiến lược Công ty; - Xây dựng, sửa đổi và giám sát thực hiện các quy chế quản lý nội bộ của Công ty mảng tài chính và kế toán; - Giám sát quản lý quan hệ cổ đông.

1.4. Các Nghị quyết/Quyết định của Hội đồng quản trị:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
I. Nghị quyết Hội đồng quản trị			
1.	01/2018/NQ-HĐQT	24/01/2018	Ủng hộ chương trình Vì người nghèo tại Hội nghị Vòng tay nhân ái
2.	02/2018/NQ-HĐQT	31/01/2018	Lựa chọn Bảo hiểm khám chữa bệnh cho Quản lý cấp cao và Bảo hiểm tai nạn cho CBNV ký HĐLĐ chính thức
3.	02 ^A /2018/NQ-HĐQT	31/01/2018	Điều chỉnh chính sách bán hàng một số căn còn lại thuộc Dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương
4.	03/2018/NQ-HĐQT	02/02/2018	Phê duyệt kết quả BSC hoàn thành năm 2017 của TASCÓ
5.	04/2018/NQ-HĐQT	02/02/2018	Chi trả lương hiệu quả năm 2017
6.	05/2018/NQ-HĐQT	10/02/2018	Phê duyệt Kế hoạch Kiểm toán nội bộ năm 2018
7.	06/2018/NQ-HĐQT	20/03/2018	Điều chỉnh giá bán sản thương mại (Tầng 1 và 2) dự án South Building
8.	09/2018/NQ-HĐQT	26/03/2018	Thông qua Kế hoạch tổ chức họp ĐHCĐ thường niên năm 2018
9.	14/2018/NQ-HĐQT	27/06/2018	Chuyển nhượng cổ phần của Tasco tại Tasco Năng lượng
10.	15/2018/NQ-HĐQT	02/07/2018	Bổ sung tài sản đảm bảo cho Ngân hàng tại Dự án Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2.
11.	16/2018/NQ-HĐQT	10/07/2018	Chi phụ cấp, thù lao HĐQT, BKS 2017
12.	21/2018/NQ-HĐQT	19/09/2018	Điều chỉnh nội dung Nghị quyết 25/NQ-HĐQT ngày 24/5/2017
13.	22/2018/NQ-HĐQT	12/10/2018	Phương án chi trả cổ tức năm 2017 cho các cổ đông hiện hữu
14.	23/2018/NQ-HĐQT	30/10/2018	Giới thiệu Nhân sự TASCÓ tham gia vào HĐQT, Ban kiểm soát Công ty cổ phần Tasco Năng Lượng
15.	24/2018/NQ-HĐQT	07/12/2018	Giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT Công ty TNHH Thu phí tự động VETC
16.	25/2018/NQ-HĐQT	07/12/2018	Giới thiệu nhân sự tham gia HĐQT Công ty Cổ phần VETC
II. Quyết định của HĐQT			
1.	02/2018/QĐ-HĐQT	29/01/2018	Phê duyệt Bản giao BSC năm 2018 TASCÓ
2.	03/2018/QĐ-HĐQT	05/03/2018	Miễn nhiệm Chủ tịch công ty Dịch vụ Tasco
3.	04/2018/QĐ-HĐQT	05/03/2018	Bổ nhiệm Chủ tịch công ty Dịch vụ Tasco
4.	05/2018/QĐ-HĐQT	09/03/2018	Miễn nhiệm Giám đốc Tasco Hải Phòng
5.	06/2018/QĐ-HĐQT	09/03/2018	Bổ nhiệm Giám đốc Tasco Hải Phòng

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
6.	07/2018/QĐ-HĐQT	16/03/2018	Thay đổi Người đại diện theo pháp luật, sửa đổi, bổ sung điều lệ Dịch vụ Tasco
7.	08/2018/QĐ-HĐQT	23/03/2018	Miễn nhiệm, Bổ nhiệm thành viên Hội đồng thành viên T'Hospital
8.	09/2018/QĐ-HĐQT	23/03/2018	Miễn nhiệm Giám đốc Tasco Quảng Bình
9.	10/2018/QĐ-HĐQT	23/03/2018	Bổ nhiệm Giám đốc Tasco Quảng Bình
10.	11/2018/QĐ-HĐQT	09/04/2018	Thay đổi nội dung đăng ký doanh nghiệp Tasco Quảng Bình
11.	12/2018/QĐ-HĐQT	24/04/2018	Ban hành chế tài xử lý trong việc chậm thực hiện các kiến nghị kiểm toán nội bộ
12.	14/2018/QĐ-HĐQT	21/06/2018	Phê duyệt Tiêu chí tìm kiếm cơ hội đầu tư và Chính sách khen thưởng trong công tác tìm kiếm cơ hội đầu tư
13.	15/2018/QĐ-HĐQT	23/07/2018	Miễn nhiệm Giám đốc Tasco 6
14.	16/2018/QĐ-HĐQT	23/07/2018	Bổ nhiệm Giám đốc Tasco 6
15.	17/2018/QĐ-HĐQT	07/09/2018	Khen thưởng Tasco Năng Lượng
16.	18/2018/QĐ-HĐQT	13/09/2018	Điều chỉnh Bộ định mức chi phí TASCO
17.	18 ^A /2018/QĐ-HĐQT	21/09/2018	Quyết định miễn nhiệm Chánh Văn phòng HĐQT
18.	19/2018/QĐ-HĐQT	21/09/2018	Quyết định bổ nhiệm Phó Chủ tịch HĐQT kiêm Chánh Văn phòng HĐQT
19.	20/2018/QĐ-HĐQT	08/11/2018	Quyết định cử cán bộ tham dự Hội nghị CFO Thế giới - IAFEI lần thứ 48
20.	21/2018/QĐ-HĐQT	08/11/2018	Quyết định về việc Bổ nhiệm vị trí Trợ lý Phó Chủ tịch HĐQT
21.	21 ^A /2018/QĐ-HĐQT	10/11/2018	Quyết định về việc Tăng vốn điều lệ Tasco
22.	22/2018/QĐ-HĐQT	12/11/2018	Quyết định về việc Ban hành Quy chế phân quyền sửa đổi lần 05

1.5. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị năm 2019:

Trong năm 2019, HĐQT Công ty định hướng: Chiến lược của công ty tập trung vào các dự án hạ tầng giao thông, hiện thực hóa nhanh các dự án đầu tư bất động sản, tìm kiếm thêm các dự án năng lượng tái tạo như điện gió, điện mặt trời, các cơ hội đầu tư mới được tìm kiếm sẽ kết hợp với các nhà đầu tư có tiềm lực tài chính và kinh nghiệm cả trong nước và quốc tế để cùng tham gia, từ đó đảm bảo kế hoạch doanh thu lợi nhuận của công ty, cũng như lợi ích lâu dài của cổ đông, nhà đầu tư.

- Thoái dần vốn tại các dự án về y tế, nông nghiệp và các lĩnh vực Tasco khó kiểm soát được nguồn lực.

- Tập trung thu hồi công nợ của các công trình, dự án.

- Tiếp tục nâng cấp hệ thống kiểm soát nội bộ (Trên cơ sở hoàn thành dự án tư vấn của

KPMG) và đưa hệ thống quản trị rủi ro vào áp dụng;

- Vận hành đồng bộ hệ thống đánh giá nhân sự để đảm bảo tính công bằng nhằm nâng cao năng suất lao động và tạo động lực làm việc cho CBNV;

- Tập trung chỉ đạo và giám sát Ban Tổng Giám đốc xây dựng và truyền thông văn hóa doanh nghiệp theo lộ trình;

- Tăng cường hợp tác với các đối tác trong và ngoài nước để tìm kiếm nguồn vốn, cơ hội hợp tác đầu tư kinh doanh;

- Xây dựng, hoàn thiện và áp dụng chính sách đối với nhà đầu tư chiến lược, cũng như chính sách đối với cá nhân, tổ chức tư vấn, giới thiệu nhà đầu tư chiến lược.

1.6. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban giám đốc và Ban Kiểm soát năm 2018:

Năm 2018, Công ty đã thực hiện chi thù lao cho HĐQT và Ban kiểm soát theo đúng Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên.

2. Ban kiểm soát:

2.1. Thông tin về thành viên Ban Kiểm soát (BKS):

Ban kiểm soát của Công ty CP Tasco gồm 3 thành viên:

- Bà Bùi Kim Ngân - Trưởng Ban kiểm soát
- Bà Lê Thị Ngọc - Thành viên Ban kiểm soát
- Ông Nguyễn Dương Thụ - Thành viên Ban kiểm soát

2.2. Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và cổ đông:

Trong năm 2018, BKS đã hoàn thành việc giám sát HĐQT, Ban Tổng Giám đốc ở nhiều hoạt động, bao gồm:

- Giám sát tình hình thực hiện Nghị quyết của ĐHĐCĐ thường niên năm 2018: BKS đã theo dõi chặt chẽ tiến độ triển khai và ghi nhận Ban lãnh đạo Công ty đã và đang thực hiện đúng kế hoạch đề ra trong Nghị quyết.

- Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, báo cáo năm 2018: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, trao đổi trực tiếp với kiểm toán độc lập trong đợt kiểm toán báo cáo tài chính năm 2018 để kịp thời cập nhật, đánh giá kết quả kiểm toán trước khi Công ty phát hành báo cáo ra công chúng.

- Giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh: thông qua hoạt động của Phòng Kiểm toán, BKS đã chỉ đạo, theo dõi chặt chẽ tính tuân thủ và hiệu quả của Ban lãnh đạo trong thực hiện các quy chế, quy trình sản xuất kinh doanh. Với kết quả kiểm toán nội bộ trong 6 tháng đầu năm 2018, BKS đánh giá hệ thống kiểm soát nội bộ của Công ty đã được xây dựng và không ngừng được bổ sung, điều chỉnh đảm bảo tăng cường các chốt kiểm soát và phù hợp đặc thù hoạt động sản xuất kinh doanh. Ban Lãnh đạo Công ty tuân thủ các quy định pháp luật, các quy chế, quy trình, quy định nội bộ của Công ty trong quá trình quản lý và điều hành.

2.3. Sự phối hợp hoạt động giữa BKS, đối với hoạt động của HĐQT, Ban Tổng Giám đốc và các cán bộ quản lý khác:

BKS đã chủ động phối hợp chặt chẽ với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong công tác kiểm tra, giám sát mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty; thường xuyên trao đổi thông tin và tài liệu liên quan.

BKS đóng góp ý kiến với HĐQT, Ban Tổng Giám đốc trong việc thực hiện các mục tiêu đã được ĐHĐCĐ phê duyệt.

HĐQT và Ban Tổng Giám đốc tạo điều kiện thuận lợi cho BKS trong việc thu thập thông tin, tài liệu liên quan đến các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

2.4. Hoạt động khác của Ban Kiểm soát:

Thực hiện theo Nghị quyết của ĐHĐCĐ, Trưởng BKS đã phê duyệt chọn đơn vị kiểm toán độc lập thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2018.

3. Đào tạo về quản trị công ty:

Trong năm 2018, các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Tổng giám đốc, các cán bộ quản lý đã tham dự các buổi hội thảo và đào tạo trong và ngoài nước.

IV. Thông tin cổ phiếu, quan hệ cổ đông:

1. Cổ phần:

- Tên: Cổ phiếu Công ty cổ phần Tasco
- Mã chứng khoán: HUT
- Mệnh giá: 10.000đ/cổ phần
- Tổng số cổ phần đang lưu hành tại ngày 31/12/2018: 268.631.965 cổ phần

Trong đó:

STT	Loại cổ phần	Số lượng cổ phần lưu hành
1	Cổ phần chuyển nhượng tự do	268.631.965
2	Cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0
	Tổng cộng	268.631.965

2. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**2.2. Cơ cấu cổ đông:**

- Phân loại cổ đông theo tỷ lệ sở hữu:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ 5% trở lên (cổ đông lớn)	79.626.015	29,64
2	Cổ đông có tỷ lệ sở hữu từ dưới 5% trở xuống (cổ đông nhỏ)	189.005.950	70,36

- Phân loại cổ đông theo tiêu chí tổ chức và cá nhân:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông là các tổ chức	80.971.788	30,14
2	Cổ đông là cá nhân	187.660.177	69,86

- Phân loại cổ đông trong nước và ngoài nước:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông trong nước	192.417.473	71,63
2	Cổ đông ngoài nước	76.214.492	28,37

- Phân loại cổ đông Nhà nước và các cổ đông khác:

STT	Cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ vốn góp (%)
1	Cổ đông Nhà nước	0	0%
2	Cổ đông khác	268.631.965	100%

2.3. Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

Đơn vị: Triệu đồng

Thời gian	Vốn điều lệ tại từng thời điểm	Giá trị tăng thêm tại từng thời điểm	Phương thức tăng vốn điều lệ
Tháng 11/2018	2.510.589	175.730	- Trả cổ tức năm 2017 trả bằng cổ phiếu (7%) cho cổ đông hiện hữu.

2.4. Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có**2.5. Các chứng khoán khác:** Không có

3. Tỷ lệ sở hữu cổ phần của người nội bộ và người có liên quan của người nội bộ:

Stt	Họ tên	Chức vụ tại công ty (nếu có)	Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ	Tỷ lệ sở hữu cổ phiếu cuối kỳ	Ghi chú
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	26.015.802	9,68%	
2	Trần Thị Cúc		105.596	0,04%	
3	Phạm Thị Nhài		74.549	0,03%	
4	Phạm Thế Hùng		31.248	0,01%	
5	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	2.105.118	0,78%	
6	Lê Quân Cần		6.521.903	2,43%	
7	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.709.291	1,38%	
8	Vũ Duy Hưng		1.505.760	0,56%	
9	Vũ Duy Lộc		788.119	0,29%	
10	Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	2.225.600	0,83%	
11	Phạm Thị Nhàn		4.382.445	1,63%	
12	Nguyễn Viết Tân	Thành viên HĐQT	1.072.141	0,40%	
13	Lưu Đàm Ngọc Anh		194.140	0,07%	
14	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	
15	Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng giám đốc	559.861	0,21%	
16	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc	239.440	0,09%	
17	Trương Văn Thịnh	Phó Tổng giám đốc	0	0,00%	Miễn nhiệm ngày 2/5/2018
18	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	191.158	0,07%	
19	Lê Anh Vũ		3.984	0,00%	
20	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0,00%	
21	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	92.486	0,03%	
22	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	25	0,00%	

4. Thông tin về các giao dịch cổ phiếu với cổ đông nội bộ:

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
1	Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT	21.684.863	8,64%	26.015.802	9,68%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và mua thêm
2	Trần Thị Cúc	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	98.688	0,04%	105.596	0,04%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
3	Phạm Thị Nhài	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	69.672	0,03%	74.549	0,03%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
4	Phạm Thế Hùng	NCLQ của ông Phạm Quang Dũng	29.204	0,01%	31.248	0,01%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
5	Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT	1.967.400	0,78%	2.105.118	0,78%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
6	Lê Quân Cần	NCLQ của bà Phạm Thị Chi	2.160.000	0,86%	6.521.903	2,43%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
7	Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT	3.466.628	1,38%	3.709.291	1,38%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
8	Vũ Duy Hưng	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	1.407.214	0,56%	1.505.760	0,56%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
9	Vũ Duy Lộc	NCLQ của bà Trần Thị Thanh Tân	736.560	0,29%	788.119	0,29%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
10	Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT	2.080.000	0,83%	2.225.600	0,83%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
11	Phạm Thị Nhàn	NCLQ của bà Trần Hải Yến	4.095.743	1,63%	4.382.445	1,63%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu

Stt	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	Số cổ phiếu	Tỷ lệ (%)	
12	Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT	1.002.001	0,40%	1.072.141	0,40%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
13	Lưu Đàm Ngọc Anh	NCLQ của ông Nguyễn Việt Tân	181.440	0,07%	194.140	0,07%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
14	Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT độc lập	0	0,00%	0	0,00%	
15	Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng giám đốc	54.435	0,02%	559.861	0,21%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu và mua thêm
16	Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng giám đốc	223.776	0,09%	239.440	0,09%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
17	Trương Văn Thịnh	Phó Tổng giám đốc	772.848	0,31%	0	0,00%	Không còn là người nội bộ kể từ ngày 2/5/2018
18	Trần Thị Thanh	Kế toán trưởng	178.653	0,07%	191.158	0,07%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
19	Lê Anh Vũ	NCLQ của bà Trần Thị Thanh	3.724	0,00%	3.984	0,00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
20	Bùi Kim Ngân	Trưởng BKS	0	0,00%	0	0,00%	
21	Lê Thị Ngọc	Thành viên BKS	86.436	0,03%	92.486	0,03%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
22	Nguyễn Dương Thụ	Thành viên BKS	24	0,00%	25	0,00%	Nhận cổ tức bằng cổ phiếu
	Tổng cộng		40.299.309	16,05%	49.818.666	18,55%	

VI. BÁO CÁO TÀI CHÍNH:**1. Ý kiến kiểm toán:**

Theo ý kiến của Công ty TNHH Kiểm toán CPA Việt Nam, Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2018 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

2. Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần TASCÓ đã được kiểm toán:

Địa chỉ công bố, cung cấp Báo cáo tài chính Công ty mẹ và Báo cáo tài chính hợp nhất:

<http://taric.com.vn/>

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

TÀI SẢN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		2.117.560.373.052	1.789.831.452.027
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	5.1	142.526.664.337	324.184.082.083
1. Tiền	111		45.772.170.869	120.435.157.462
2. Các khoản tương đương tiền	112		96.754.493.468	203.748.924.621
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120	5.2	60.399.980.583	246.331.476.176
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		60.399.980.583	246.331.476.176
III Các khoản phải thu ngắn hạn	130		1.667.038.767.749	995.954.574.876
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5.3	1.425.563.311.150	611.303.376.283
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	5.4	84.901.960.836	103.519.118.356
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		41.711.579.797	50.932.232.203
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	5.5	139.648.215.623	230.302.895.642
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(24.786.299.657)	(235.250.000)
3. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	132.202.392
IV. Hàng tồn kho	140	5.7	78.661.264.649	48.421.852.629
1. Hàng tồn kho	141		78.661.264.649	48.421.852.629
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		168.933.695.734	174.939.466.263
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	5.11	64.629.867.891	33.278.225.798
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		96.063.056.205	132.220.976.929
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	5.14	8.240.771.638	9.440.263.536
B TÀI SẢN DÀI HẠN	200		8.713.539.788.828	8.978.995.180.576
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		227.542.226.459	287.293.124.712
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211	5.3	167.543.789.957	187.543.789.957
2. Phải thu dài hạn khác	216	5.5	59.998.436.502	102.899.334.755
3. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	(3.150.000.000)
II. Tài sản cố định	220		2.913.206.723.089	2.754.790.147.057
1. Tài sản cố định hữu hình	221	5.9	2.907.338.550.613	2.748.740.929.056
- Nguyên giá	222		3.839.931.786.001	3.505.542.125.050
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(932.593.235.388)	(756.801.195.994)
2. Tài sản cố định vô hình	227	5.8	5.868.172.476	6.049.218.001
- Nguyên giá	228		8.748.458.388	7.685.157.188
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(2.880.285.912)	(1.635.939.187)
III Bất động sản đầu tư	230		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	5.10	4.764.734.435.981	5.367.931.244.796
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		4.764.734.435.981	5.367.931.244.796
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250	5.2	483.788.137.557	319.652.803.472
1. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		454.658.137.557	308.522.803.472
2. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		24.130.000.000	6.130.000.000
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		5.000.000.000	5.000.000.000
VI. Tài sản dài hạn khác	260		323.239.983.164	248.173.665.813
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	5.11	323.239.983.164	248.173.665.813
VI Lợi thế thương mại	269		1.028.282.578	1.154.194.726
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		10.831.100.161.880	10.768.826.632.603

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 01-DN/HN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT (Tiếp theo)
Tại ngày 31 tháng 12 năm 2018

NGUỒN VỐN	MS	TM	31/12/2018	01/01/2018
			VND	VND
C NỢ PHẢI TRẢ	300		7.666.896.297.128	7.541.439.815.783
I. Nợ ngắn hạn	310		1.656.528.460.948	1.028.185.440.185
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	5.13	521.030.972.181	525.339.447.213
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	5.15	131.424.665.774	92.526.563.231
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	5.14	85.649.990.727	115.872.584.765
4. Phải trả người lao động	314		12.438.438.369	21.517.486.075
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	5.16	62.810.486.678	140.289.088.202
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318	5.17	159.135.485	463.790.823
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	5.18	759.570.640.964	92.718.750.075
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	5.12	61.813.822.507	19.299.258.559
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		21.630.308.263	20.158.471.242
II. Nợ dài hạn	330		6.010.367.836.180	6.513.254.375.598
1. Phải trả người bán dài hạn	331	5.13	-	2.736.363.220
2. Chi phí phải trả dài hạn	333	5.16	11.359.372.612	3.009.079.072
3. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336	5.17	3.513.492.814	5.352.249.276
4. Phải trả dài hạn khác	337	5.18	526.301.047.389	1.176.034.606.485
5. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	5.12	5.430.733.177.906	5.295.353.481.178
6. Dự phòng phải trả dài hạn	342	5.19	38.460.745.459	30.768.596.367
D VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		3.164.203.864.752	3.227.386.816.820
I. Vốn chủ sở hữu	410	5.20	3.164.203.864.752	3.227.386.816.820
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		2.686.319.650.000	2.510.589.130.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		2.686.319.650.000	2.510.589.130.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		84.988.051.186	85.174.473.675
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		115.707.635.329	100.830.835.329
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		273.074.030.739	514.859.968.150
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		195.838.149.929	210.028.716.606
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		77.235.880.810	304.831.251.544
5. Lợi ích cổ đông không kiểm soát	429		4.114.497.498	15.932.409.666
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		10.831.100.161.880	10.768.826.632.603

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	5.22	1.147.081.921.292	2.195.365.958.836
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	5.23	10.781.858.131	17.710.637.515
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10= 01-02)	10		1.136.300.063.161	2.177.655.321.321
4. Giá vốn hàng bán	11	5.24	824.462.250.808	1.545.476.259.810
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10 - 11)	20		311.837.812.353	632.179.061.511
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	5.25	99.074.434.595	37.944.883.607
7. Chi phí tài chính	22	5.26	142.135.319.720	171.266.076.252
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		139.511.428.686	167.990.860.226
8. Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên doanh, liên kết	24		2.266.015.985	11.271.374.650
9. Chi phí bán hàng	25	5.27	33.609.432.018	31.427.906.265
10. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	5.27	147.091.331.858	109.294.553.354
Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		90.342.179.337	369.406.783.897
{30 = 20 + (21 - 22) +24 - (25 + 26)}				
12. Thu nhập khác	31	5.28	11.482.512.248	7.438.913.505
13. Chi phí khác	32	5.29	7.736.984.462	9.319.286.652
14. Lợi nhuận khác (40 = 31 - 32)	40		3.745.527.786	(1.880.373.147)
15. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50 = 30 + 40)	50		94.087.707.123	367.526.410.750
16. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	5.30	28.407.368.914	69.989.630.046
17. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52		-	-
18. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50 - 51 - 52)	60		65.680.338.209	297.536.780.704
19. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	61		77.235.880.810	304.831.251.544
20. Lợi nhuận sau thuế của cổ đông không kiểm soát	62		(11.555.542.601)	(7.294.470.840)
21. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	5.31	306	1.470

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

Mẫu B 03-DN/HN

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(theo phương pháp gián tiếp)

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

CHỈ TIÊU	MS	TM	Năm 2018	Năm 2017
			VND	VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
<i>Lợi nhuận trước thuế</i>	01		94.087.707.123	367.526.410.750
<i>Điều chỉnh cho các khoản</i>			238.690.394.890	478.959.008.461
- Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		179.118.367.127	360.568.743.941
- Các khoản dự phòng	03		21.401.049.657	(385.610.699)
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04		-	1.273.250
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(101.340.450.580)	(49.216.258.257)
- Chi phí lãi vay	06		139.511.428.686	167.990.860.226
<i>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</i>	08		332.778.102.013	846.485.419.211
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		28.897.667.841	198.598.084.831
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(30.239.412.020)	(6.914.137.350)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		343.571.083.717	(87.882.281.965)
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(106.417.959.444)	(145.241.685.145)
- Tiền lãi vay đã trả	14		(188.927.306.182)	(239.416.630.533)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(52.101.471.986)	(87.841.419.375)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	28.233.508
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17		(336.261.252)	(645.463.066)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</i>	20		327.224.442.687	477.170.120.116
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(719.940.917.619)	(2.205.292.495.366)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22		1.355.261.909	8.045.888.700
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(156.449.368.255)	(711.915.757.860)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		355.824.416.458	742.972.536.137
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		(157.515.743.040)	(78.753.673.464)
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		86.775.001.004	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		23.956.394.244	44.307.062.952
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</i>	30		(565.994.955.299)	(2.200.636.438.901)
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	524.755.528.889
<i>Trong đó: Từ cổ đông không kiểm soát</i>			-	9.730.000.000
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		(709.567)	-
3. Tiền thu từ đi vay	33		768.800.250.427	1.865.467.970.206
4. Tiền trả nợ gốc vay	34		(591.544.280.144)	(654.127.153.406)
5. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		(120.142.165.850)	(117.134.020.275)
<i>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</i>	40		57.113.094.866	1.618.962.325.414
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (50 = 20+30+40)	50		(181.657.417.746)	(104.503.993.371)
Tiền và tương đương tiền đầu kỳ	60		324.184.082.083	428.688.075.454
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		-	-
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ (70 = 50+60+61)	70	5.1	142.526.664.337	324.184.082.083

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT**1.1 Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Tasco tiền thân là đội cầu Nam Hà, được thành lập năm 1971. Công ty chính thức được thành lập ngày 27/3/1976 với tên gọi Công ty Cầu Hà Nam Ninh, trên cơ sở sát nhập đội cầu Nam Hà và Xí nghiệp Xây dựng Cầu đường Ninh Bình. Tháng 11 năm 2000, Công ty đã tiến hành cổ phần hoá, từ doanh nghiệp Nhà nước chuyển sang hoạt động theo mô hình Công ty cổ phần, theo Quyết định số 2616/2000/QĐ-UB ngày 20/11/2000 của UBND tỉnh Nam Định và mang tên Công ty Cổ phần Xây dựng Giao thông và Cơ sở Hạ tầng Nam Định.

Ngày 26/12/2007, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Tasco. Năm 2008, Công ty chính thức chuyển đăng ký kinh doanh và trụ sở chính từ Nam Định lên Hà Nội.

Công ty Cổ phần Tasco hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0600264117 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 26/12/2007, thay đổi lần 23 ngày 04/12/2018. Vốn điều lệ của Công ty là 2.686.319.650.000 đồng.

Tên Công ty viết bằng tiếng nước ngoài là: Tasco Joint Stock Company.

Tên Công ty viết tắt là: HUD - TASCO

Công ty hiện đang niêm yết tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội. Mã cổ phiếu: HUT.

Số lao động bình quân trong năm: 121 người

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính

Ngành nghề kinh doanh của Công ty:

- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Kinh doanh phát triển nhà ở; Cho thuê văn phòng, nhà ở, nhà xưởng;
- Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác. Chi tiết: Xây dựng các công trình điện (nhiệt điện, thủy điện), công trình thủy lợi, công trình hạ tầng kỹ thuật; Xây dựng đường hầm;
- Chuẩn bị mặt bằng;
- Xây dựng nhà các loại;
- Hoạt động xây dựng chuyên dụng khác. Chi tiết: Xây lắp điện, nước;
- Bán buôn vật liệu, thiết bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Sản xuất, mua bán vật liệu xây dựng, cấu kiện bê tông đúc sẵn;
- Kiểm tra phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Dịch vụ thử nghiệm vật liệu xây dựng, thử nghiệm kiểm tra chất lượng các loại hình công trình xây dựng;
- Cho thuê máy móc, thiết bị và đồ dùng hữu hình khác. Chi tiết: Cho thuê máy móc thiết bị;
- Nhà hàng và các dịch vụ ăn uống phục vụ lưu động. Chi tiết: Dịch vụ du lịch, ăn uống (Không bao gồm kinh doanh quán bar, phòng hát Karaoke, vũ trường);
- Trồng cây hàng năm khác. Chi tiết: Mua bán, ươm trồng cây xanh đô thị;
- Xây dựng công trình công ích. Chi tiết: Tu bổ, tôn tạo, phục hồi, phục dựng di tích lịch sử văn hóa, danh lam thắng cảnh;
- Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Đại lý bán điện; Sản xuất điện;
- Hoạt động dịch vụ hỗ trợ khác liên quan đến vận tải. Chi tiết: Kinh doanh bãi đỗ xe và gara;

1.2 Ngành nghề kinh doanh và hoạt động chính (Tiếp theo)

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Mua bán, xuất nhập khẩu máy móc thiết bị;
- Thu gom và xử lý rác thải, sản xuất các chế phẩm sau rác;
- Hoạt động chuyên môn, khoa học và công nghệ khác chưa được phân vào đâu. Chi tiết: Tư vấn và kinh doanh các dịch vụ về công nghệ môi trường (không bao gồm tư vấn tài chính và tư vấn pháp luật);
- Hoạt động kiến trúc và tư vấn kỹ thuật có liên quan. Chi tiết: Tư vấn giám sát công trình dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi (doanh nghiệp chỉ hoạt động khi đủ năng lực theo quy định của pháp luật); Tư vấn lập dự án, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật công trình xây dựng dân dụng, công nghiệp, giao thông, thủy lợi, và các công trình hạ tầng kỹ thuật khác; Tư vấn quản lý dự án công trình, lập hồ sơ mời thầu, đánh giá hồ sơ dự thầu thi công xây dựng; Tư vấn thẩm tra thiết kế, dự toán công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, thủy lợi, và hạ tầng kỹ thuật đô thị; Thiết kế kỹ thuật thi công công trình dân dụng, công nghiệp, công trình giao thông, cầu đường bộ; Tư vấn lập quy hoạch xây dựng;
- Xây dựng công trình đường sắt và đường bộ.
- Hoạt động tư vấn quản lý.
- Hoạt động chính của Công ty trong năm: Kinh doanh bất động sản, xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, hạ tầng kỹ thuật, đầu tư vào các công ty con hoạt động trong lĩnh vực BOT, dịch vụ y tế, quản lý.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

1.3 Cấu trúc doanh nghiệp

Tại ngày 31/12/2018, Công ty có các công ty con, công ty liên kết như sau:

TT	Tên công ty	Trụ sở	Tỷ lệ sở hữu vốn của công ty mẹ (%)	Tỷ lệ biểu quyết (%)	Lĩnh vực kinh doanh chính
Công ty con sở hữu trực tiếp					
1	Công ty Cổ phần Tasco Thành Công	Hà Nội	51,00	51,00	Khai thác VLXD
2	Công ty Cổ phần Tasco Nam Thái	Thái Bình	99,97	99,97	Xây lắp
3	Công ty Cổ phần VETC	Hà Nội	97,82	97,82	Dịch vụ
4	Công ty CP Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2	Hà Nội	67,00	67,00	Y tế
5	Công ty TNHH MTV Tasco Nam Định	Nam Định	100	100	Xây lắp
6	Công ty TNHH MTV Tasco 6	Nam Định	100	100	Hạ tầng giao thông
7	Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình	Quảng Bình	100	100	Hạ tầng giao thông
8	Công ty TNHH MTV Tasco Hải Phòng	Hải Phòng	100	100	Hạ tầng giao thông
9	Công ty TNHH T'Hospital	Hà Nội	100	100	Đầu tư lĩnh vực y tế
10	Công ty TNHH Đào tạo và tư vấn Tasedu	Hà Nội	100	100	Đào tạo
11	Công ty TNHH An Nhiên Foods	Hòa Bình	100	100	Nông nghiệp
12	Công ty TNHH MTV Dịch vụ Tasco	Hà Nội	100	100	Dịch vụ
Công ty con sở hữu gián tiếp					
13	Công ty TNHH Thu phí tự động VETC	Hà Nội	97,82	97,82	Dịch vụ thu phí
14	Công ty Cổ phần Bệnh viện Năng Mai	Hà Nội	51,00	51,00	Dịch vụ, y tế
Công ty liên doanh, liên kết					
1	Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
2	Công ty Cổ phần Tasco Thăng Long	Hà Nội	30,00	30,00	Kinh doanh BĐS
3	Công ty Cổ phần D-Tech	Hà Nội	20,00	20,00	Khai thác VLXD
4	Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	Hà Nội	38,61	38,61	Xây lắp
5	Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Phú Thọ	30,00	30,00	Hạ tầng giao thông
6	Công ty Cổ phần Tasco Năng Lượng	Ninh Thuận	29,00	29,00	SX, truyền tải và phân phối Điện

Trong năm, Hội đồng Quản trị Công ty ban hành các nghị quyết liên quan đến cơ cấu các khoản đầu tư như sau:

- Quyết định số 01/2018/QĐ-HĐQT ngày 16 tháng 01 năm 2018 của HĐQT về việc góp vốn thành lập, cử người đại diện theo Ủy quyền tại Công ty cổ phần Bệnh viện Năng Mai.
- Quyết định số 13/2018/QĐ-HĐQT ngày 01/06/2018 về việc tăng vốn điều lệ Công ty TNHH T'Hospital từ 70 tỷ đồng lên 158,6 tỷ đồng để thực hiện đầu tư Dự án Bệnh viện nội tiết.
- Nghị quyết số 14/NQ-HĐQT ngày 27/06/2018 về việc chuyển nhượng cổ phần của Công ty Cổ phần Tasco tại Công ty Cổ phần Tasco Năng Lượng.
- Quyết định số 23/2018/QĐ-HĐQT ngày 12/11/2018 về việc góp vốn thành lập, cử người đại diện theo ủy quyền quản lý phần vốn góp tại Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi.

2. KỶ KẾ TOÁN, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**Kỳ kế toán**

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính hợp nhất được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán: Đồng Việt Nam (VND).

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành kèm theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 do Bộ Tài chính ban hành và Thông tư số 53/2016/TT-BTC về sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014.

Tuyên bố về việc tuân thủ Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty đảm bảo đã tuân thủ đầy đủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**Cơ sở hợp nhất Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập phù hợp với Thông tư 202/2014/TT-BTC ngày 22/12/2014 của Bộ Tài chính về Hướng dẫn phương pháp lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất, cụ thể:

Báo cáo tài chính hợp nhất các Báo cáo tài chính của Công ty và Báo cáo tài chính của các Công ty do Công ty kiểm soát (các công ty con) được lập cho đến ngày 31 tháng 12 hàng năm. Việc kiểm soát này đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của các công ty nhận đầu tư nhằm thu được lợi nhuận từ hoạt động của các Công ty này. Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo được lập cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2018.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán trong năm được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất từ ngày việc mua có hiệu lực hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở Công ty con đó.

Trong trường hợp cần thiết, Báo cáo tài chính của các công ty con được điều chỉnh để các chính sách kế toán được áp dụng tại Công ty và các công ty con khác là giống nhau.

Tất cả các nghiệp vụ và số dư chủ yếu giữa các công ty được loại bỏ khi hợp nhất Báo cáo tài chính.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát được trình bày trong Bảng Cân đối kế toán hợp nhất thành một chi tiêu riêng thuộc phần vốn chủ sở hữu. Lợi ích cổ đông không kiểm soát bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông không kiểm soát trong sự biến động của tổng vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh.

Hợp nhất kinh doanh

Tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng của công ty con được xác định theo giá trị hợp lý tại ngày mua công ty con. Bất kỳ khoản phụ trội nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận là lợi thế kinh doanh. Bất kỳ khoản thiếu hụt nào giữa giá mua và tổng giá trị hợp lý của tài sản được mua được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh của kỳ kế toán phát sinh hoạt động mua công ty con.

Lợi ích cổ đông không kiểm soát tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu được xác định trên cơ sở tỷ lệ của cổ đông không kiểm soát trong tổng giá trị hợp lý của tài sản, công nợ và công nợ tiềm tàng được ghi nhận.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền: Bao gồm Tiền mặt, Tiền gửi ngân hàng (không kỳ hạn) và Tiền đang chuyển

Các khoản tương đương tiền: Là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Nguyên tắc kế toán các khoản đầu tư tài chínhCác khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn và các khoản cho vay nắm giữ đến ngày đáo hạn với mục đích thu lãi hàng kỳ và các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn khác.

Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn được ghi nhận theo giá gốc và được xác định theo giá trị hợp lý căn cứ vào khả năng thu hồi của khoản đầu tư.

Tất cả các khoản đầu tư được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Các khoản cho vay

Là các khoản cho vay theo kế ước giữa các bên nhưng không được giao dịch mua, bán trên thị trường như chứng khoán.

Tất cả các khoản cho vay được phân loại là các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ sẽ được đánh giá lại theo tỷ giá giao dịch thực tế tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng các khoản cho vay khó đòi được lập cho từng khoản cho vay khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc căn cứ vào mức tổn thất dự kiến có thể xảy ra.

Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh liên kết và đầu tư khác

- Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết: Các khoản đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết mà trong đó Công ty có ảnh hưởng đáng kể được trình bày theo phương pháp vốn chủ sở hữu.
- Các khoản đầu tư khác: Được ghi nhận theo phương pháp giá gốc

Dự phòng tổn thất các khoản đầu tư

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty liên kết được trích lập khi các công ty này bị lỗ dẫn đến nhà đầu tư có khả năng mất vốn hoặc khoản dự phòng do suy giảm giá trị các khoản đầu tư vào các công ty này (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư). Mức trích lập dự phòng tương ứng với tỷ lệ góp vốn của Công ty trong các tổ chức kinh tế theo hướng dẫn tại Thông tư 89/2013/TT-BTC ngày 28/6/2013.

Đối với các khoản đầu tư khác, việc trích lập dự phòng tổn thất căn cứ vào giá trị hợp lý của khoản đầu tư tại thời điểm trích lập, trong trường hợp không xác định được giá trị hợp lý việc lập dự phòng căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc kế toán nợ phải thu**

Các khoản Nợ phải thu được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải thu, đối tượng phải thu, loại nguyên tệ phải thu và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản Nợ phải thu bao gồm phải thu khách hàng và phải thu khác được ghi nhận theo nguyên tắc:

- Phải thu của khách hàng gồm các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua - bán giữa Công ty và người mua (là đơn vị độc lập với người bán, gồm cả các khoản phải thu giữa công ty mẹ và công ty con, liên doanh, liên kết). Các khoản phải thu thương mại được ghi nhận phù hợp với Chuẩn mực doanh thu về thời điểm ghi nhận căn cứ theo hóa đơn, chứng từ phát sinh.
- Phải thu khác gồm các khoản phải thu không mang tính thương mại.

Các khoản phải thu được phân loại là Ngắn hạn và Dài hạn trên Bảng Cân đối kế toán căn cứ kỳ hạn còn lại của các khoản phải thu tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Dự phòng nợ phải thu khó đòi: được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào thời gian quá hạn trả nợ gốc theo cam kết nợ ban đầu (không tính đến việc gia hạn nợ giữa các bên), hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra theo hướng dẫn tại Thông tư 228/2009/TT-BTC ngày 07/12/2009.

Nguyên tắc kế toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc, trong trường hợp giá gốc hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được thì phải tính theo giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, chi phí lao động trực tiếp và chi phí sản xuất chung để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại. Giá trị thuần có thể thực hiện được được xác định bằng giá bán ước tính trừ các chi phí để hoàn thành cùng chi phí tiếp thị, bán hàng và phân phối phát sinh.

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên, tính giá hàng tồn kho theo phương pháp bình quân gia quyền. Các công trình xây dựng được tính giá theo phương pháp thực tế đích danh.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập Dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất trong trường hợp giá trị thực tế của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại thời điểm lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình

Công ty quản lý, sử dụng và trích khấu hao TSCĐ theo hướng dẫn tại thông tư 45/2013/TT-BTC ban hành ngày 25 tháng 4 năm 2013 và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 10/03/2016 của Bộ Tài chính sửa đổi bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC.

a. Nguyên tắc kế toán**Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được phản ánh theo giá gốc, trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Khi tài sản cố định được bán hay thanh lý, khoản lãi, lỗ phát sinh do việc thanh lý được tính vào thu nhập khác hay chi phí khác trong năm.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán và khấu hao Tài sản cố định hữu hình và vô hình (Tiếp theo)

Tài sản cố định vô hình

- Quyền sử dụng đất: là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới diện tích đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ ...
Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được thể hiện theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.
- Phần mềm kế toán và phần mềm quản lý: Tài sản cố định vô hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

b. Phương pháp khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Thời gian khấu hao cụ thể như sau:

	Năm 2018 (Số năm)
Nhà xưởng và vật kiến trúc	05 - 25
Máy móc và thiết bị	05 - 08
Thiết bị văn phòng	03 - 10
Phương tiện vận tải	06 - 10

TSCĐ khác là tài sản hình thành từ dự án đầu tư theo hình thức BOT gồm dự án BOT quốc lộ 21 được phản ánh ban đầu theo giá trị đầu tư và trích khấu hao theo tỷ trọng doanh thu theo văn bản hướng dẫn riêng của Bộ tài chính

TSCĐ vô hình là Quyền sử dụng đất có thời hạn xác định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hiệu lực của giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Nguyên tắc kế toán chi phí trả trước

Chi phí trả trước phản ánh các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán và việc kết chuyển các khoản chi phí này vào chi phí sản xuất kinh doanh của các kỳ kế toán sau.

Chi phí trả trước dài hạn của Công ty gồm công cụ dụng cụ, chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng và chi phí khác. Chi phí trả trước dài hạn được phân bổ theo phương pháp đường thẳng vào chi phí sản xuất kinh doanh.

Nguyên tắc kế toán Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Trong đó, chi phí dịch vụ và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Nguyên tắc kế toán Nợ phải trả

Các khoản nợ phải trả được theo dõi chi tiết theo kỳ hạn phải trả, đối tượng phải trả, loại nguyên tệ phải trả và các yếu tố khác theo nhu cầu quản lý của Công ty.

Các khoản nợ phải trả bao gồm phải trả người bán, phải trả nợ vay và các khoản phải trả khác là các khoản nợ phải trả được xác định gần như chắc chắn về giá trị và thời gian và được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán, được phân loại như sau:

- Phải trả người bán: gồm các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản giữa Công ty và người bán (là đơn vị độc lập với Công ty, gồm cả các khoản phải trả giữa công ty mẹ và công ty con, công ty liên doanh, liên kết).
- Phải trả khác gồm các khoản phải trả không mang tính chất thương mại, không liên quan đến giao dịch mua bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vay và nợ thuê tài chính**

Bao gồm các khoản tiền vay, nợ thuê tài chính, không bao gồm các khoản vay dưới hình thức phát hành trái phiếu hoặc cổ phiếu ưu đãi có điều khoản bắt buộc bên phát hành phải mua lại tại một thời điểm nhất định trong tương lai.

Công ty theo dõi các khoản vay và nợ thuê tài chính chi tiết theo từng đối tượng nợ và phân loại ngắn hạn và dài hạn theo thời gian trả nợ.

Nguyên tắc ghi nhận và vốn hóa các khoản chi phí đi vay

Tất cả các chi phí lãi vay được ghi nhận vào Báo cáo Kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất khi phát sinh, trừ khi được vốn hóa theo quy định của chuẩn mực kế toán “Chi phí đi vay”.

Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Chi phí lãi vay của Công ty đối với các khoản vay cho các Dự án BOT được phân bổ theo doanh thu từ Dự án.

Nguyên tắc ghi nhận chi phí phải trả

Các khoản chi phí thực tế chưa chi nhưng được trích trước vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm để đảm bảo khi chi phí phát sinh thực tế không gây đột biến cho chi phí sản xuất kinh doanh trên cơ sở đảm bảo nguyên tắc phù hợp giữa doanh thu và chi phí.

Nguyên tắc ghi nhận dự phòng phải trả

Dự phòng phải trả dài hạn của Công ty là Chi phí đại tu BOT Quốc lộ 21 được trích trước chi phí sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định theo định kỳ được căn cứ vào kế hoạch sửa chữa, bảo dưỡng tài sản cố định.

Nguyên tắc ghi nhận doanh thu chưa thực hiện

Doanh thu chưa thực hiện gồm: doanh thu nhận trước (như: số tiền thu trước của khách hàng trong nhiều kỳ kế toán về cho thuê tài sản, cơ sở hạ tầng, khoản lãi nhận trước khi cho vay vốn hoặc mua các công cụ nợ); và các khoản doanh thu chưa thực hiện khác (như: khoản chênh lệch giữa giá bán hàng trả chậm, trả góp theo cam kết với giá bán trả tiền ngay, khoản doanh thu tương ứng với giá trị hàng hóa, dịch vụ hoặc số phải chiết khấu giảm giá cho khách hàng trong chương trình khách hàng truyền thống...); không bao gồm: tiền nhận trước của người mua mà Công ty chưa cung cấp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ; doanh thu chưa thu được tiền của hoạt động cho thuê tài sản, cung cấp dịch vụ nhiều kỳ.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Nguyên tắc ghi nhận vốn chủ sở hữu**

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch lớn hơn/hoặc nhỏ hơn giữa giá thực tế phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành cổ phiếu lần đầu, phát hành bổ sung hoặc tái phát hành cổ phiếu quỹ.

Lợi nhuận chưa phân phối xác định trên cơ sở kết quả kinh doanh sau thuế thu nhập doanh nghiệp và việc phân phối lợi nhuận hoặc xử lý lỗ của Công ty.

Lợi nhuận sau thuế của Công ty được chia cổ tức cho các cổ đông sau khi được phê duyệt bởi Đại Hội đồng cổ đông tại Đại hội thường niên của Công ty và sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty.

Các quỹ thuộc Vốn chủ sở hữu được trích lập dựa trên Điều lệ của Công ty.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong năm theo kết quả phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phân công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng Cân đối kế toán; và
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng xây dựng được xác định một cách đáng tin cậy và được khách hàng xác nhận, thì doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận trong năm được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Khi kết quả thực hiện hợp đồng không thể ước tính một cách đáng tin cậy, trường hợp Công ty có thể thu hồi được các khoản chi phí của hợp đồng đã bỏ ra thì doanh thu được ghi nhận chỉ tới mức các chi phí đã bỏ ra có khả năng thu hồi. Khi đó, không một khoản lợi nhuận nào được ghi nhận, kể cả khi tổng chi phí thực hiện hợp đồng có thể vượt quá tổng doanh thu của hợp đồng.

Đối với tiền lãi, cổ tức và lợi nhuận được chia và thu nhập khác: Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ hoạt động trên và được xác định tương đối chắc chắn.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)

Nguyên tắc kế toán các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm:

- Giảm giá hàng bán: là khoản giảm trừ cho người mua do sản phẩm, hàng hóa kém, mất phẩm chất hay không đúng quy cách theo quy định trong hợp đồng kinh tế; không bao gồm khoản giảm giá hàng bán cho người mua đã thể hiện trong hóa đơn GTGT hoặc hóa đơn bán hàng (giá bán phản ánh trên hóa đơn là giá đã giảm).
- Hàng bán bị trả lại: do vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng kinh tế, hàng bị kém, mất phẩm chất, không đúng chủng loại, quy cách.

Trường hợp sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ đã tiêu thụ từ các kỳ trước, đến kỳ sau mới phát sinh chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán hoặc hàng bán bị trả lại thì Công ty ghi nhận theo nguyên tắc:

- Nếu phát sinh trước thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu trên Báo cáo tài chính hợp nhất của kỳ lập báo cáo.

- Nếu phát sinh sau thời điểm phát hành Báo cáo tài chính hợp nhất: ghi giảm doanh thu của kỳ phát sinh.

Nguyên tắc kế toán giá vốn hàng bán

Bao gồm giá vốn của sản phẩm, hàng hóa, dịch vụ, bất động sản bán trong năm được ghi nhận phù hợp với doanh thu đã tiêu thụ trong năm.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí tài chính

Các khoản lỗ liên quan đến hoạt động đầu tư tài chính: Lỗ do góp vốn đầu tư ra bên ngoài: Được ghi nhận theo nguyên tắc thực tế phát sinh.

Chi phí đi vay: Ghi nhận hàng tháng căn cứ trên khoản vay, lãi suất vay và số ngày vay thực tế.

Chi phí góp vốn liên doanh liên kết, chuyển nhượng chứng khoán: theo thực tế phát sinh.

Nguyên tắc và phương pháp ghi nhận chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành, chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (hoặc thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp): Là tổng chi phí thuế thu nhập hiện hành và chi phí thuế thu nhập hoãn lại (hoặc thu nhập thuế thu nhập hiện hành và thu nhập thuế thu nhập hoãn lại) khi xác định lợi nhuận hoặc lỗ của một kỳ.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành: là số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp tính trên thu nhập chịu thuế trong năm và thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành. Thuế thu nhập hiện hành được tính dựa trên thu nhập chịu thuế và thuế suất áp dụng trong năm tính thuế. Khoản thu nhập chịu thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch giữa lợi nhuận kế toán và thu nhập chịu thuế theo chính sách thuế hiện hành.

- Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại: là số thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp trong tương lai phát sinh từ việc: ghi nhận thuế thu nhập hoãn lại phải trả trong năm; hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại đã được ghi nhận từ các năm trước; không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại hoặc thuế thu nhập hoãn lại phải trả phát sinh từ các giao dịch được ghi nhận trực tiếp vào vốn chủ sở hữu.

Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20% trên thu nhập chịu thuế.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG (Tiếp theo)**Ước tính kế toán**

Việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất tuân thủ theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu Báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập Báo cáo tài chính hợp nhất: cũng như các số liệu Báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt kỳ kế toán. Kết quả hoạt động kinh doanh thực tế có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Công cụ tài chínhGhi nhận ban đầu*Tài sản tài chính*

Tại ngày ghi nhận ban đầu, tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc mua sắm tài sản tài chính đó.

Tài sản tài chính của Công ty bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngắn hạn, phải thu của khách hàng và các khoản phải thu khác, các khoản cho vay và công cụ tài chính chưa niêm yết.

Công nợ tài chính

Tại ngày ghi nhận ban đầu, công nợ tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí giao dịch có liên quan trực tiếp đến việc phát hành công nợ tài chính đó.

Công nợ tài chính của Công ty bao gồm các khoản phải trả người bán, phải trả khác, các khoản chi phí phải trả, các khoản nợ thuê tài chính, các khoản vay và công cụ tài chính phái sinh.

Đánh giá lại sau lần ghi nhận ban đầu

Hiện tại, chưa có quy định về đánh giá lại công cụ tài chính sau ghi nhận ban đầu.

Các bên liên quan

Được coi là các bên liên quan là các doanh nghiệp, các cá nhân trực tiếp hay gián tiếp qua một hoặc nhiều trung gian có quyền kiểm soát công ty hoặc chịu sự kiểm soát chung với Công ty. Các bên liên kết, các cá nhân nào trực tiếp hoặc gián tiếp nắm quyền biểu quyết của Công ty mà có ảnh hưởng đáng kể đối với Công ty. Những chức trách quản lý chủ chốt như Tổng Giám đốc, viên chức của công ty, những thành viên thân cận trong gia đình của những cá nhân hoặc các bên liên kết này hoặc những công ty liên kết với các cá nhân này cũng được coi là bên liên quan.

Báo cáo bộ phận

Bộ phận là thành phần có thể phân biệt được của Công ty tham gia vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ có liên quan (bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh), hoặc vào việc cung cấp sản phẩm hoặc dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể (bộ phận theo khu vực địa lý) mà bộ phận này có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác. Ban Tổng Giám đốc cho rằng Công ty hoạt động trong các bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là xây lắp và hoạt động khác, đầu tư, kinh doanh bất động sản và dịch vụ thu phí đường bộ trong một bộ phận theo khu vực địa lý duy nhất là Việt Nam. Báo cáo bộ phận được lập theo lĩnh vực kinh doanh.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CHỈ TIÊU TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT, BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT**5.1 Tiền và các khoản tương đương tiền**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tiền mặt	2.714.639.750	1.499.748.034
Tiền gửi ngân hàng	43.057.531.119	118.935.409.428
Các khoản tương đương tiền	96.754.493.468	203.748.924.621
Tổng	142.526.664.337	324.184.082.083

5.2 Các khoản đầu tư tài chính**a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn**

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Giá trị ghi sổ	Giá gốc	Giá trị ghi sổ
<i>Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn</i>	<i>65.399.980.583</i>	<i>65.399.980.583</i>	<i>251.331.476.176</i>	<i>251.331.476.176</i>
<i>Ngắn hạn</i>	<i>60.399.980.583</i>	<i>60.399.980.583</i>	<i>246.331.476.176</i>	<i>246.331.476.176</i>
Tiền gửi có kỳ hạn	60.399.980.583	60.399.980.583	246.331.476.176	246.331.476.176
<i>Dài hạn</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>	<i>5.000.000.000</i>
Trái phiếu	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000	5.000.000.000

b. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết</i>	<i>454.658.137.557</i>	<i>308.522.803.472</i>
Tổng công ty Thăng Long - CTCP	239.266.889.034	220.000.711.691
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng-Phú Thọ	73.732.029.980	71.225.774.878
Công ty CP Bất động sản Thái An	16.620.220.566	14.055.619.771
Công ty CP Tasco Thăng Long	1.779.000.875	1.780.700.030
Công ty CP D - Tech	1.459.997.102	1.459.997.102
Công ty CP Tasco Năng Lượng	121.800.000.000	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.2 Các khoản đầu tư tài chính (tiếp theo)**Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác***Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018			01/01/2018		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
Đầu tư vào đơn vị khác	24.130.000.000	(*)	-	6.130.000.000	(*)	-
Công ty CP ĐT PT Nhà và Đô thị HUD8	4.500.000.000		-	4.500.000.000		-
Công ty CP Cotabig	300.000.000		-	300.000.000		-
Công ty CP TIC	1.330.000.000		-	1.330.000.000		-
Công ty TNHH Môi trường Tasco Củ Chi	18.000.000.000		-	-		-

(*) Công ty chưa xác định giá trị hợp lý do các khoản đầu tư này chưa niêm yết trên thị trường, Chế độ kế toán và Chuẩn mực kế toán Việt Nam cũng không có hướng dẫn về cách tính giá trị hợp lý sử dụng các kỹ thuật định giá. Giá trị hợp lý của các khoản đầu tư này có thể khác với giá trị ghi sổ.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.3 Phải thu của khách hàng

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Phải thu ngắn hạn của khách hàng	1.425.563.311.150	611.303.376.283
Ban QLDA ĐTXD các CT NN& PTNT tỉnh Thái Bình	10.777.083.000	20.017.127.000
Ban Quản lý dự án 6	6.479.500.021	31.467.808.274
Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm (i)	1.008.557.926.703	131.685.376.207
Ban Quản lý các Dự án giao thông Hải Dương	17.440.060.000	20.440.060.000
Ban Quản lý các Dự án giao thông Nam Định	10.722.512.000	11.762.512.000
Đối tượng khác	371.586.229.426	395.930.492.802
Phải thu của khách hàng là các bên liên quan	1.652.050.000	1.563.250.000

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

(i) Khoản phải thu Ủy ban nhân dân Quận Nam Từ Liêm là giá trị phải thu một số hạng mục đã bàn giao của tuyến đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương do Công ty là nhà đầu tư theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT để thực hiện Dự án xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) huyện Từ Liêm, thành phố Hà Nội (BT Lê Đức Thọ).

Giá trị đầu tư tuyến đường được thanh toán một phần bằng giá trị tiền sử dụng đất của Khu nhà ở sinh thái Xuân Phương. Phần giá trị đầu tư còn lại được thanh toán bằng giá trị đất đối ứng của các Dự án mới.

5.4 Trả trước cho người bán

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Trả trước cho người bán ngắn hạn	84.901.960.836	103.519.118.356
Công ty CP TIC	30.853.699.510	26.252.416.198
Công ty CP xây dựng Hải Long	1.975.811.383	4.223.651.547
Trả trước cho người bán ngắn hạn khác	52.072.449.943	73.043.050.611

5.5 Các khoản phải thu khác

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn	139.648.215.623	(3.167.710.000)	230.302.895.642	-
Tạm ứng	30.172.291.495	-	106.483.234.182	-
Ký cược, ký quỹ	3.172.000.000	(3.150.000.000)	73.970.000	-
Phải thu UBND quận nam từ liêm giá trị hoàn trả suất đầu tư hạ tầng của các lô đất công cộng thuộc dự án sinh thái Xuân phương	48.324.177.720	-	48.324.177.720	-
Phải thu khác	57.979.746.408	(17.710.000)	75.421.513.740	-
Dài hạn	59.998.436.502	-	102.899.334.755	(3.150.000.000)
Ký cược, ký quỹ	387.890.000	-	3.521.190.000	(3.150.000.000)
Phải thu khác	59.610.546.502	-	99.378.144.755	-

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.6 Các khoản công nợ phải thu đã trích lập dự phòng

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)		Thời gian quá hạn
	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	
<i>Tổng giá trị các khoản phải thu, cho vay quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi</i>	24.786.299.657	-	3.385.250.000	-	
Công ty Cổ phần Tư vấn Giáo dục Sao Tím	-	-	24.750.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	-	-	130.000.000	-	Trên 3 năm
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	-	-	70.000.000	-	Trên 3 năm
Công ty CP Thủy điện MEGASTAR - Hồng Nam	17.710.000	-	-	-	
Công ty CP TIC	21.597.589.657	-	-	-	
Công ty IT Fusion	3.150.000.000	-	3.150.000.000	-	Trên 3 năm
Đối tượng khác	21.000.000	-	10.500.000	-	Từ 1 năm đến 2 năm
Cộng	24.786.299.657	-	3.385.250.000	-	

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.7 Hàng tồn kho*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Nguyên liệu, vật liệu	2.862.160.226	-	5.793.279.829	-
Công cụ, dụng cụ	5.368.203.588	-	18.550.710.530	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	1.216.487.701	-	20.987.750.645	-
Thành phẩm	201.991.704	-	445.494.808	-
Hàng hóa	69.012.421.430	-	2.644.616.817	-
Tổng	78.661.264.649	-	48.421.852.629	-

5.8 Tài sản cố định vô hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Quyền sử dụng đất	Phần mềm máy tính	Tổng
Nguyên giá			
Số dư đầu năm	102.878.251	7.582.278.937	7.685.157.188
Mua trong năm	-	1.063.301.200	1.063.301.200
Số dư cuối năm	102.878.251	8.645.580.137	8.748.458.388
Giá trị hao mòn lũy kế			
Số dư đầu năm	47.246.592	1.588.692.595	1.635.939.187
Khấu hao trong năm	4.286.592	1.240.060.133	1.244.346.725
Số dư cuối năm	51.533.184	2.828.752.728	2.880.285.912
Giá trị còn lại			
Tại ngày đầu năm	55.631.659	5.993.586.342	6.049.218.001
Tại ngày cuối năm	51.345.067	5.816.827.409	5.868.172.476

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT TIẾP THEO (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.9 Tài sản cố định hữu hình*Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc, thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	TSCĐ hữu hình khác	Tổng
Nguyên giá						
Số dư đầu năm	35.723.920.336	129.104.227.593	29.068.192.554	11.062.433.340	3.300.583.351.227	3.505.542.125.050
Tăng trong năm	341.286.000	2.533.683.909	11.854.399.044	381.738.000	340.623.645.501	355.734.752.454
Mua trong năm	341.286.000	2.189.090.909	11.854.399.044	381.738.000	85.309.091	14.851.823.044
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	344.593.000	-	-	340.538.336.410	340.882.929.410
Giảm trong năm	124.387.200	1.746.736.363	1.271.567.619	883.081.000	17.319.319.321	21.345.091.503
Thanh lý, nhượng bán	124.387.200	1.746.736.363	1.271.567.619	883.081.000	92.887.636	4.118.659.818
Giảm khác	-	-	-	-	17.226.431.685	17.226.431.685
Số dư cuối năm	35.940.819.136	129.891.175.139	39.651.023.979	10.561.090.340	3.623.887.677.407	3.839.931.786.001
Giá trị hao mòn lũy kế						
Số dư đầu năm	15.670.532.890	9.748.805.071	11.601.424.623	6.382.720.552	713.397.712.858	756.801.195.994
Tăng trong năm	1.690.415.315	10.817.633.824	3.452.385.003	777.971.486	161.651.837.738	178.390.243.366
Khấu hao trong năm	1.690.415.315	10.817.633.824	3.452.385.003	777.971.486	161.651.837.738	178.390.243.366
Giảm trong năm	19.435.500	709.527.906	979.985.217	883.081.000	6.174.349	2.598.203.972
Thanh lý, nhượng bán	19.435.500	709.527.906	979.985.217	883.081.000	-	2.592.029.623
Giảm khác	-	-	-	-	6.174.349	6.174.349
Số dư cuối năm	17.341.512.705	19.856.910.989	14.073.824.409	6.277.611.038	875.043.376.247	932.593.235.388
Giá trị còn lại						
Tại ngày đầu năm	20.053.387.446	119.355.422.522	17.466.767.931	4.679.712.788	2.587.185.638.369	2.748.740.929.056
Tại ngày cuối năm	18.599.306.431	110.034.264.150	25.577.199.570	4.283.479.302	2.748.844.301.160	2.907.338.550.613

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.10 Tài sản dở dang dài hạn

	31/12/2018 VND	01/01/2018 VND
Xây dựng cơ bản dở dang		
<i>Mua sắm tài sản cố định</i>	-	14.498.375.745
Xây dựng cơ bản dở dang	4.764.734.435.981	5.353.432.869.051
Dự án KĐT Pháp Vân	-	11.625.912.786
Dự án đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến đường 70	272.383.469.209	1.057.162.008.301
Dự án xây dựng nhà ở cho CB Báo Nhân dân và Văn phòng TW Đảng	75.998.120.219	265.646.937.117
Dự án khu nhà ở sinh thái tại xã Xuân Phương -Foresa villa	350.642.579.640	389.207.967.585
Dự án Khu đô thị mới Văn Canh Hoài Đức	314.645.842.109	267.085.363.422
Dự án 48 Trần Duy Hưng quận Cầu Giấy, Hà Nội	5.752.036.933	4.192.069.760
Dự án rác thải	-	6.304.831.968
Dự án tòa nhà văn phòng Tasco	24.454.558.171	575.825.983
Dự án nhà ở cho CB CNV Bộ ngoại giao	671.703.686	671.703.686
Dự án Đầu tư XD công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B theo hình thức HĐ BT	34.067.118.660	34.356.383.254
Dự án Đầu tư XD công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B theo hình thức HĐ BOT	5.519.282.812	267.322.632.488
Dự án Trụ sở VP, khu tập thể CBNV Nam Thái	7.313.256.467	6.715.131.467
Dự án ĐTXD mở rộng QL1 Quảng Bình theo hình thức HĐ BOT	-	5.079.454.315
Dự án Khu chức năng đô thị Xuân Phương	50.146.864.935	13.503.144.985
Dự án quốc lộ 10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn	2.593.768.732.909	2.330.376.555.185
Các dự án Đầu tư bệnh viện	44.551.839.994	13.246.061.876
Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe	967.656.611.267	677.620.542.075
Dự án nông nghiệp công nghệ cao	16.924.620.692	1.139.105.714
Dự án điện mặt trời	-	2.438.754
Các dự án khác	237.798.278	1.598.798.330
Tổng	4.764.734.435.981	5.367.931.244.796

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCÓ

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.11 Chi phí trả trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Ngắn hạn</i>	64.629.867.891	33.278.225.798
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	390.896.537	3.095.739.631
Chi phí lãi vay	63.080.040.913	29.364.486.931
Các khoản khác	1.158.930.441	817.999.236
<i>Dài hạn</i>	323.239.983.164	248.173.665.813
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	3.770.788.709	16.966.274.223
Chi phí lãi vay	241.989.067.590	182.219.662.539
Chi phí hoàn thiện nội thất văn phòng	1.503.326.845	2.029.065.376
Chi phí khác	75.976.800.020	46.958.663.675
Tổng	387.869.851.055	281.451.891.611

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính**a. Các khoản vay**

Đơn vị tính: VND

	31/12/2018		Trong năm		01/01/2018	
	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá gốc	Số có khả năng trả nợ
Vay ngắn hạn	61.813.822.507	61.813.822.507	205.317.119.088	162.802.555.140	19.299.258.559	19.299.258.559
Ngân hàng SHB - CN Thăng Long	-	-	13.600.117.590	19.944.076.193	6.343.958.603	6.343.958.603
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội	5.550.787.736	5.550.787.736	20.449.063.227	17.298.775.491	2.400.500.000	2.400.500.000
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Thăng Long	-	-	100.000.000.000	100.000.000.000	-	-
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Hà Nội	6.840.059.000	6.840.059.000	6.840.059.000	-	-	-
Vay đối tượng khác	49.422.975.771	49.422.975.771	64.427.879.271	25.559.703.456	10.554.799.956	10.554.799.956
Vay dài hạn	5.430.733.177.906	5.430.733.177.906	563.139.232.931	269.381.725.004	5.136.975.669.979	5.136.975.669.979
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN Nam Định	1.945.842.451.945	1.945.842.451.945	-	34.521.000.000	1.980.363.451.945	1.980.363.451.945
Ngân hàng Phát triển VN - CN Nam Định	360.699.272.422	360.699.272.422	22.000.000.000	228.644.320.000	567.343.592.422	567.343.592.422
Ngân hàng TMCP Ngoại thương VN - CN Hà Nội	2.196.470.458.995	2.196.470.458.995	305.553.398.483	850.000.000	1.891.767.060.512	1.891.767.060.512
Ngân hàng ĐT và PT VN - CN SGD3	795.696.303.259	795.696.303.259	228.563.776.336	-	567.132.526.923	567.132.526.923
Ngân hàng TMCP Công thương VN - CN Hà Nội	129.372.191.292	129.372.191.292	5.015.956.520	1.500.000.000	125.856.234.772	125.856.234.772
Ngân hàng TMCP Tiên Phong - CN Tây Hà Nội	652.499.993	652.499.993	6.101.592	290.000.004	936.398.405	936.398.405
Vay đối tượng khác	2.000.000.000	2.000.000.000	2.000.000.000	3.576.405.000	3.576.405.000	3.576.405.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.12 Vay và nợ thuê tài chính (Tiếp theo)

Thông tin cho các khoản vay ngắn hạn:

Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2018/232424/HĐTD ngày 31 tháng 08 năm 2018, số tiền vay tối đa 60.000.000.000 đồng, thời hạn vay 12 tháng, mục đích sử dụng tiền vay : Bổ sung vốn lưu động. Lãi suất vay được xác định trong từng hợp đồng tín dụng cụ thể theo chế độ lãi suất của Ngân hàng trong từng thời kỳ.
- Khoản vay ngắn hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Hà Nội
- Hợp đồng số 01/2017/HĐCVHM/VCBHN-BVMHN2 ngày 30/11/2017, mức dư nợ tối đa 10.000.000.000 đồng. Mục đích vay: Bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh của công ty cổ phần bệnh viện mắt Hà Nội cơ sở 2, thời hạn vay 12 tháng kể từ ngày ký hợp đồng, lãi suất cho vay được xác định tại thời điểm giải ngân vốn cho vay theo thông báo lãi suất cho vay của ngân hàng trong từng thời kỳ và được ghi trên từng giấy nhận nợ.

Thông tin cho các khoản vay dài hạn:

Công ty đang vay dài hạn tại các Ngân hàng để thực hiện các dự án BT, BOT; Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng và kiểm soát tải trọng xe; Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2.

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BOT:

Công ty đang vay dài hạn tại các ngân hàng để thực hiện các dự án BOT. nguồn trả nợ gốc và lãi vay là nguồn thu từ trạm thu phí theo hợp đồng BOT đã ký với cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Công ty đang quản lý, đầu tư các dự án BOT:

Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình; Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình; Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10; Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Đệ đến cầu La Uyên; đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 02/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 22/05/2015 ký giữa Ngân hàng TMCP đầu tư và phát triển Việt Nam - chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty CP Tasco Nam Thái (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 435.700.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa là 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, nhưng không vượt quá ngày 01/01/2016 hoặc khi dự án có doanh thu. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện Dự án Đầu tư xây dựng công trình cải tạo, nâng cấp đường 39B đoạn tuyến tránh thị trấn Thanh Nê, Huyện Kiến Xương và đoạn từ đường vào trung tâm điện lực Thái Bình đến cầu Diêm Điền huyện Thái Thụy, tỉnh Thái Bình theo hình thức Hợp đồng BOT, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

- Hợp đồng số 01/2013/HĐTD/BIDV-TASCO tháng 11/2013 ký giữa Ngân hàng TMCP Đầu tư phát triển Việt Nam – chi nhánh Nam Định và Công ty cổ phần Tasco, Công ty TNHH MTV Tasco Quảng Bình (doanh nghiệp dự án) số tiền vay tối đa 1.531.000.000.000 đồng, thời hạn vay 19,5 năm, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư mở rộng, nâng cấp Quốc lộ 1 đoạn Km597+549 – Km605+000 và đoạn Km617+000 – Km641+000 tỉnh Quảng Bình, lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 3 tháng một lần và được xác định vào ngày làm việc đầu tiên của mỗi quý bằng tổng của Lãi suất tham chiếu cộng ba phần trăm một năm (3,5%/năm), nhưng không thấp hơn mức lãi suất tối thiểu theo quy định của Bên cho vay trong từng thời kỳ và không cao hơn mức lãi suất cho vay tối đa theo quy định của Ngân hàng nhà nước và Ngân hàng TMCP Đầu tư và phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng số 01/2008/HĐ ngày 26 tháng 12 năm 2008, số tiền vay tối đa 36.348.000.000 đồng, thời hạn vay 150 tháng, thời gian ân hạn tối đa 30 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần chi tiết theo các khoản giải ngân.

Các khoản vay dài hạn Ngân hàng phát triển Việt Nam – Chi nhánh Nam Định (VDB):

- Hợp đồng tín dụng đầu tư Nhà nước số 02/2016/HĐTĐĐT-NHPT ngày 02/06/2016, số tiền vay tối đa 369.000.000.000 đồng, thời hạn vay 78 tháng, thời gian ân hạn tối đa 15 tháng kể từ ngày ký Hợp đồng tín dụng. Mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án: "Đầu tư bổ sung tuyến tránh thị trấn Đông Hưng, tỉnh Thái Bình trên Quốc lộ 10 (Km92+900 đến Km98+400) đoạn từ cầu Tân Độ đến cầu La Uyên. Lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.
- Hợp đồng số 11/2008/HĐTĐĐT tháng 9/2009, số tiền vay tối đa 255.000.000.000 đồng, thời hạn vay 15 năm, thời gian ân hạn tối đa 36 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên nhưng không vượt quá thời gian xây dựng của dự án. Mục đích sử dụng tiền vay: Thực hiện dự án đầu tư xây dựng tuyến đường tránh thành phố Nam Định từ thị trấn Mỹ Lộc đến Quốc lộ 10, lãi suất bằng lãi suất tín dụng đầu tư của Nhà nước theo quy định của ngân hàng phát triển Việt Nam trong từng thời kỳ.

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – CN Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/VCBHN-TASCO ngày 15 tháng 10 năm 2015, số tiền vay 2.333.580.000.000 đồng, thời gian vay 216 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên (nhưng không dài hơn 06 tháng trước ngày kết thúc thời gian thu phí của dự án), thời gian ân hạn gốc là 28 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ gốc là 188 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay: để thanh toán chi phí hợp lý, hợp lệ, hợp pháp đầu tư dự án Cải tạo nâng cấp QL10 đoạn từ cầu Quán Toan đến cầu Nghìn, thành phố Hải Phòng, theo hình thức Hợp đồng BOT. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

Các khoản vay dài hạn cho các dự án BT:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Nam Định:

- Hợp đồng số 01/2015/HĐTD/BIDV-TASCO ngày 09 tháng 03 năm 2015, số tiền vay tối đa 970.000.000.000 đồng, thời hạn vay 60 tháng, thời gian ân hạn tối đa 24 tháng kể từ khi giải ngân khoản vay đầu tiên, thời gian trả nợ là 36 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn, mục đích sử dụng tiền vay thực hiện dự án: Đầu tư xây dựng tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70). Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi tại thời điểm giải ngân với mức lãi suất theo thông báo của ngân hàng và điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án xây dựng hệ thống thu phí không dừng:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở giao dịch 3

- Hợp đồng số 01/2017/232424/HĐTD ngày 24/5/2017, hạn mức tín dụng 1.275.194.000.000 đồng, thời hạn vay 147 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, thời gian ân hạn gốc là 27 tháng kể từ ngày giải ngân khoản vay đầu tiên, thời hạn trả nợ gốc là 120 tháng kể từ ngày kết thúc thời gian ân hạn. Mục đích sử dụng tiền vay: thực hiện dự án: Thu phí tự động không dừng và kiểm soát tải trọng xe trên toàn quốc- Giai đoạn 1 áp dụng cho Quốc lộ và đường HCM đoạn qua tây nguyên theo hình thức hợp đồng BOO. Lãi suất vay áp dụng lãi suất cho vay thả nổi, điều chỉnh 03 tháng/1 lần kể từ ngày giải ngân đầu tiên.

Các khoản vay dài hạn cho Dự án đầu tư xây dựng Bệnh viện Mắt Hà Nội cơ sở 2:

Khoản vay dài hạn Ngân hàng TMCP Công thương VN – Chi nhánh TP Hà Nội:

- Hợp đồng số 01/2017-HDDCVDADDT/NHCT106/BVMHN ngày 02/6/2017, số tiền vay tối đa 135.000.000.000 đồng. Thời hạn vay 10 năm kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: để đầu tư dự án Bệnh viện mắt Hà Nội – cơ sở 2, lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng là 7%/năm (theo chương trình cho vay đầu tư phát triển y tế - nhóm 1), cố định trong 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng một lần và bằng lãi suất cơ sở cộng (+) biên độ tối thiểu 2,0%/năm.

Khoản vay dài hạn ngân hàng TMCP Tiên Phong:

- Hợp đồng số 103/2017/HĐTD/HDG/01, số tiền vay 1.160.000.000 đồng. Thời hạn vay 48 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên, mục đích sử dụng tiền vay: mua xe ô tô đưa đón bệnh nhân, lãi suất áp dụng kể từ ngày nhận nợ đầu tiên cho đến ngày 10/4/2018 là 7,8%. Lãi suất áp dụng cho thời gian tiếp theo được điều chỉnh định kỳ 03 tháng 1 lần và bằng lãi suất cơ sở VND kỳ hạn 03 tháng cho khách hàng doanh nghiệp của TPbank tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 3,7%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

b. Trái phiếu phát hành

	31/12/2018 (VND)		01/01/2018 (VND)	
	Giá trị	Kỳ hạn	Giá trị	Kỳ hạn
<i>Trái phiếu phát hành</i>				
Loại phát hành theo mệnh giá (1)	-	3 năm	159.360.000.000	3 năm
Chi phí phát hành trái phiếu (2)	-		982.188.801	
Giá trị thu được				
{(3)-(1)-(2)}	-		158.377.811.199	

Thông tin về trái phiếu phát hành như sau:

- Loại trái phiếu: Trái phiếu chuyển đổi thành cổ phiếu. Mã trái phiếu: HUT-CB2015. Phương thức phát hành: Phát hành riêng lẻ. Số lượng trái phiếu phát hành: 500.000 trái phiếu. Mệnh giá một trái phiếu: 1.000.000 đồng. Tổng mệnh giá phát hành: 500.000.000.000 đồng. Thời điểm phát hành: 24/9/2015. Kỳ hạn trái phiếu: 03 năm. Thời điểm và tỷ lệ chuyển đổi trái phiếu thành cổ phiếu dự kiến: Vào ngày tròn năm thứ nhất: trái chủ được chuyển đổi 20% giá trị trái phiếu sở hữu; Vào ngày tròn năm thứ hai: trái chủ được chuyển đổi thêm 40% giá trị trái phiếu sở hữu; Vào ngày đáo hạn của trái phiếu: Trái chủ được chuyển đổi toàn bộ giá trị trái phiếu sở hữu còn lại; Tại mỗi kỳ chuyển đổi, nếu trái chủ không thực hiện chuyển đổi hoặc chỉ thực hiện chuyển đổi một phần thì có quyền thực hiện chuyển đổi phần còn lại tại kỳ chuyển đổi tiếp theo. Quyền chuyển đổi: Quyền chuyển đổi thuộc về trái chủ. Phương thức thanh toán lãi và gốc trái phiếu: Lãi trái phiếu được thanh toán 06 tháng/lần; Gốc trái phiếu không được chuyển đổi sẽ được thanh toán 01 lần bằng mệnh giá vào ngày đáo hạn. Lãi Trái phiếu thả nổi: Được xác định bằng trung bình cộng lãi suất huy động tiết kiệm cá nhân bằng VNĐ niêm yết công khai, trả lãi sau, kỳ hạn 12 tháng của 04 ngân hàng gồm: (i) BIDV – Sở Giao dịch I; (ii) Vietinbank – Sở giao dịch, (iii) Vietcombank – chi nhánh Hà Nội; (iv) OCB Sở Giao dịch tại ngày xác định lãi suất + Biên độ 3%. Giá chuyển đổi trái phiếu: Bằng 80% giá bình quân của 10 phiên giao dịch cổ phiếu liên tiếp trước ngày bắt đầu thực hiện chuyển đổi nhưng trong mọi trường hợp không thấp hơn 10.000 đồng/Cổ phiếu.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.13 Phải trả người bán*Đơn vị tính: VND*

	31/12/2018		01/01/2018	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Các khoản phải trả người bán ngắn hạn	521.030.972.181	521.030.972.181	525.339.447.213	525.339.447.213
Công ty Cổ phần Xây dựng NASACO	13.183.813.420	13.183.813.420	15.354.738.020	15.354.738.020
Công ty TNHH Hợp Tiến	1.129.505.703	1.129.505.703	1.129.505.703	1.129.505.703
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây dựng HUD1	10.911.288.695	10.911.288.695	15.952.688.257	15.952.688.257
Công ty cổ phần Đầu tư & xây dựng HUD3	14.131.569.995	14.131.569.995	22.400.426.189	22.400.426.189
Công ty Cổ phần Đầu tư xây dựng Constrexim	15.702.194.840	15.702.194.840	18.333.567.223	18.333.567.223
Công ty Cổ phần Dịch vụ kỹ thuật	5.423.213.078	5.423.213.078	14.792.762.891	14.792.762.891
Đối tượng khác	460.549.386.450	460.549.386.450	437.375.758.930	437.375.758.930
Các khoản phải trả người bán dài hạn	-	-	2.736.363.220	2.736.363.220
Đối tượng khác	-	-	2.736.363.220	2.736.363.220
Tổng	521.030.972.181	521.030.972.181	528.075.810.433	528.075.810.433
Phải trả người bán là các bên liên quan	81.361.012.664	81.361.012.664	97.227.975.785	97.227.975.785

(Chi tiết tại thuyết minh 6.2)

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.14 Thuế và các khoản phải thu, phải nộp Nhà nước*Đơn vị tính: VND***Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	01/01/2018	Năm 2018		31/12/2018
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	69.266.676.278	130.449.360.193	136.687.640.600	63.028.395.871
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	44.872.623.357	29.005.914.817	52.091.602.968	21.786.935.206
Thuế Thu nhập cá nhân	1.717.898.523	12.800.700.494	13.697.169.367	821.429.650
Thuế tài nguyên	3.200.000	69.480.000	63.860.000	8.820.000
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	-	-	-	-
Thuế khác	12.186.607	80.191.507	87.968.114	4.410.000
Tổng	115.872.584.765	172.405.647.011	202.628.241.049	85.649.990.727

Thuế và các khoản phải thu Nhà nước

	01/01/2018	Năm 2018		31/12/2018
		Số phải nộp	Số đã nộp	
Thuế GTGT đầu ra	96.933.800	-	-	96.933.800
Thuế Thu nhập doanh nghiệp	9.339.972.146	1.226.305.098	30.130.982	8.143.798.030
Thuế Thu nhập cá nhân	327.590	1.422.174	1.134.392	39.808
Thuế nhà đất, tiền thuê đất	30.000	128.323.848	128.293.848	-
Thuế khác	3.000.000	3.000.000	-	-
Tổng	9.440.263.536	1.359.051.120	159.559.222	8.240.771.638

5.15 Người mua trả tiền trước

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Người mua trả tiền trước ngắn hạn	131.424.665.774	92.526.563.231
Ban QLDA khu vực các CT Giao thông Vận tải (PMURTW)	9.464.328.727	20.655.050.519
CÔNG TY RISEN ENERGY (HONG KONG) CO., LIMITED	57.802.723.996	-
Đối tượng khác	64.157.613.051	71.871.512.712
Tổng	131.424.665.774	92.526.563.231

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.16 Chi phí phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	62.810.486.678	140.289.088.202
Trích trước giá vốn các Dự án	50.066.540.325	110.799.528.383
Trích trước lãi trái phiếu chuyển đổi, lãi vay	814.610.811	27.800.377.551
Trích trước chi phí khác	11.929.335.542	1.689.182.268
Dài hạn	11.359.372.612	3.009.079.072
Trích trước chi phí lãi vay	11.359.372.612	3.009.079.072
Tổng	74.169.859.290	143.298.167.274

5.17 Doanh thu chưa thực hiện

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	159.135.485	463.790.823
Doanh thu nhận trước	159.135.485	463.790.823
Dài hạn	3.513.492.814	5.352.249.276
Doanh thu quản lý vận hành khu đô thị	3.252.560.121	5.352.249.276
Doanh thu ghi nhận trước khác	260.932.693	-
Tổng	3.672.628.299	5.816.040.099

5.18 Phải trả khác

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Ngắn hạn	759.570.640.964	92.718.750.075
Kinh phí công đoàn	1.204.538.330	401.854.640
Bảo hiểm xã hội	1.078.612.380	112.114.228
Bảo hiểm y tế	260.237.471	98.065.732
Bảo hiểm thất nghiệp	125.892.754	41.524.895
Cổ tức, lợi nhuận phải trả	11.021.217.220	9.395.752.220
Tiền sử dụng đất dự án Khu nhà ở sinh thái Xuân phương chờ đối trừ giá trị đầu tư dự án BT Lê Đức	631.485.168.980	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	114.394.973.829	82.669.438.360
Dài hạn	526.301.047.389	1.176.034.606.485
Phải trả tiền vay	109.900.800.000	125.300.800.000
Phải trả tiền đặt cọc	2.492.458.464	36.309.524.136
Phải trả về góp vốn thực hiện dự án (i)	406.993.150.000	376.475.300.000
Phải trả dài hạn khác	6.914.638.925	637.948.982.349
Tổng	1.285.871.688.353	1.268.753.356.560

(i) Phải trả dài hạn Công ty Cổ phần Tư vấn Đầu tư Xây dựng Hà Việt góp vốn liên doanh theo Hợp đồng liên doanh số 19/2009/TASCO-HA VIET về việc Đầu tư tuyến đường từ đường Lê Đức Thọ đến Khu đô thị mới Xuân Phương (điểm cuối giao với đường 70) theo hình thức Xây dựng - chuyển giao (BT).

(ii) Chi phí sử dụng đất Dự án khu nhà ở sinh thái xuân phương, sẽ được đối trừ với giá trị đầu tư tuyến đường Lê Đức Thọ đến Khu Đô thị mới Xuân Phương do Công ty là nhà đầu tư theo Hợp đồng BT số 68/HĐBT. Hợp đồng BT dự kiến được quyết toán vào năm 2019 nên Công ty thực hiện phân loại công nợ này sang phải trả ngắn hạn.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.19 Dự phòng phải trả

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Dài hạn	38.460.745.459	30.768.596.367
Dự phòng đại tu phần cầu, đường của dự án BOT21	38.460.745.459	30.768.596.367
Tổng	38.460.745.459	30.768.596.367

5.20 Vốn chủ sở hữu**a. Chi tiết vốn chủ sở hữu**

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Vốn góp của cổ đông	2.686.319.650.000	2.510.589.130.000
Tổng	2.686.319.650.000	2.510.589.130.000

b. Các giao dịch về vốn với chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
Vốn góp tại đầu năm	2.510.589.130.000	2.510.589.130.000
Vốn góp tăng trong năm	175.730.520.000	-
Vốn góp giảm trong năm	-	-
Vốn góp tại cuối năm	2.686.319.650.000	2.510.589.130.000
Cổ tức đã chia	301.259.976.500	264.485.561.200

c. Cổ phiếu

	31/12/2018	01/01/2018
	Cổ phiếu	Cổ phiếu
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	268.631.965	251.058.913
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	268.631.965	251.058.913
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	251.058.913
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	268.631.965	251.058.913
Cổ phiếu phổ thông	268.631.965	251.058.913
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành(VND/cổ phiếu)	10.000	10.000

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.20 Vốn chủ sở hữu (Tiếp theo)**d. Đối chiếu biến động vốn chủ sở hữu***Đơn vị tính: VND*

Khoản mục	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng
Số dư tại ngày 01/01/2017	1.763.294.160.000	69.840.926.959	80.771.817.761	502.306.388.914	2.416.213.293.634
Tăng trong năm trước	747.294.970.000	25.000.000.000	20.059.017.568	305.098.140.436	1.097.452.128.004
Tăng vốn trong năm trước	747.294.970.000	25.000.000.000	-	-	772.294.970.000
Lãi trong năm trước	-	-	-	304.831.251.544	304.831.251.544
Phân phối lợi nhuận	-	-	20.059.017.568	-	20.059.017.568
Tăng khác	-	-	-	266.888.892	266.888.892
Giảm trong năm trước	-	9.666.453.284	-	292.544.561.200	302.211.014.484
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	28.059.000.000	28.059.000.000
Chi trả cổ tức cho cổ đông công ty mẹ	-	-	-	264.485.561.200	264.485.561.200
Giảm khác	-	9.666.453.284	-	-	9.666.453.284
Số dư tại ngày 31/12/2017	2.510.589.130.000	85.174.473.675	100.830.835.329	514.859.968.150	3.211.454.407.154
Tăng trong năm	175.730.520.000	-	14.876.800.000	77.622.838.717	268.230.158.717
Tăng vốn trong năm nay	175.730.520.000	-	14.876.800.000	-	190.607.320.000
Lãi trong năm nay	-	-	-	77.235.880.810	77.235.880.810
Tăng khác	-	-	-	386.957.907	386.957.907
Giảm trong năm	-	186.422.489	-	319.408.776.129	319.595.198.618
Chia cổ tức	-	-	-	301.259.976.500	301.259.976.500
Phân phối lợi nhuận	-	-	-	17.851.800.000	17.851.800.000
Giảm do hợp nhất kinh doanh	-	-	-	166.985.375	166.985.375
Giảm khác	-	186.422.489	-	130.014.254	316.436.743
Số dư tại ngày 31/12/2018	2.686.319.650.000	84.988.051.186	115.707.635.329	273.074.030.739	3.160.089.367.254

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.21 Các khoản mục ngoài Bảng Cân đối kế toán hợp nhất*Nợ khó đòi đã xử lý*

Đối tượng	Số tiền nợ VND
Công ty TNHH Lưu Thảo Vy	124.000.000
Ban QLDA NN&PT NT Nam Định	27.658.859
VP Hội Đồng ND-UBND tỉnh Nam Định	29.804.000
UBND huyện Trực Ninh	30.914.000
Công ty CP XD Thủy lợi Ninh Bình	198.469.912
Công ty CP Tàu thủy Hoàng Anh	61.600.000
Ban QLDA Đầu tư XD - Thị xã Phủ Lý	34.135.000
Công ty CP Đầu tư & XD HUD 3	42.451.250
Công ty ĐTXD phát triển đô thị số 4	49.001.450
Công ty CP Đầu tư và Phát triển Sông Đà	364.262.853
Công ty CP TV XD Hà Tây	107.883.300
Công ty CP XD CT đô thị Nam Định	18.337.885
Công ty CP Đầu tư XD Việt Nhật	35.938.875
Phạm Đăng Khởi	11.649.400
Vũ Văn Dũng	27.694.731
Phạm Văn Toàn	22.165.608
Trần Thị Bích Hạnh	19.288.000
Ban QLDA Đầu tư XD huyện Hải Hậu	20.000.000
UBND huyện Giao Thủy	75.681.173
BQL Dự án Khu vực tỉnh Nam Định	49.901.000
Công ty CP Licogi 13	325.974.526
Công ty CP PTMT KCN & Đô thị Việt Nhật	109.450.000
Công ty CP Tư vấn công trình và Kỹ nghệ Đỉnh cao	59.854.000
Công ty cổ phần tư vấn giáo dục Sao Tím	24.750.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam	70.000.000
Công ty CP tư vấn thiết kế XDCT & TM AET	130.000.000
Tổng	2.070.865.822

5.22 Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.147.081.921.292	2.195.365.958.836
Doanh thu hoạt động thu phí	425.571.449.369	576.443.384.462
Doanh thu hoạt động kinh doanh Bất động sản	445.599.889.539	1.355.915.378.432
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	162.968.554.879	123.373.712.245
Doanh thu hợp đồng xây dựng	112.942.027.505	139.633.483.697

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.23 Các khoản giảm trừ doanh thu

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giảm giá hàng bán	10.781.858.131	15.386.267.054
Hàng bán bị trả lại	-	2.324.370.461
Tổng	10.781.858.131	17.710.637.515

5.24 Giá vốn hàng bán

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Giá vốn hoạt động thu phí	250.036.481.249	390.662.371.141
Giá vốn hoạt động kinh doanh Bất động sản	330.171.492.653	930.464.022.462
Giá vốn bán hàng, cung cấp dịch vụ	141.442.281.349	125.242.412.895
Giá vốn hợp đồng xây dựng	102.811.995.557	99.107.453.312
Tổng	824.462.250.808	1.545.476.259.810

5.25 Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Lãi tiền gửi, tiền cho vay	18.509.157.437	34.952.691.260
Cổ tức, lợi nhuận được chia	-	2.770.731.608
Doanh thu hoạt động tài chính khác	80.565.277.158	221.460.739
Tổng	99.074.434.595	37.944.883.607

5.26 Chi phí tài chính

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí lãi vay	139.511.428.686	167.990.860.226
Chi phí tài chính khác	2.623.891.034	3.275.216.026
Tổng	142.135.319.720	171.266.076.252

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.27 Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Các khoản chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm	147.091.331.858	109.294.553.354
Chi phí nhân viên quản lý	46.898.890.813	44.797.172.973
Chi phí vật liệu quản lý	758.954.047	984.552.620
Chi phí đồ dùng văn phòng	2.006.711.574	3.965.613.124
Chi phí khấu hao tài sản cố định	8.809.149.914	4.917.761.068
Thuế, phí và lệ phí	561.495.831	375.637.872
Chi phí dự phòng/Hoàn nhập dự phòng	21.625.799.657	235.250.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	35.575.412.589	19.681.920.327
Chi phí khác bằng tiền	30.854.917.433	34.336.645.370
Các khoản chi phí bán hàng phát sinh trong năm	33.609.432.018	31.427.906.265
Chi phí nhân viên	4.073.975.500	5.073.363.004
Chi phí nguyên vật liệu, bao bì	3.525.000	4.753.786
Chi phí dụng cụ, đồ dùng	2.158.430.934	997.120.944
Chi phí khấu hao tài sản cố định	82.020.176	53.943.417
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.688.813.956	3.849.607.876
Chi phí khác bằng tiền	19.602.666.452	21.449.117.238
Tổng	180.700.763.876	140.722.459.619

5.28 Thu nhập khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Thanh lý tài sản	110.223.241	5.538.878
Thu phạt hợp đồng	1.551.731.978	1.832.889.452
Thu nhập từ cho thuê tài sản	-	1.540.909.268
Thu nhập khác	9.820.557.029	4.059.575.907
Tổng	11.482.512.248	7.438.913.505

5.29 Chi phí khác

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí khác	7.736.984.462	9.319.286.652
Tổng	7.736.984.462	9.319.286.652

5.30 Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2018 VND	Năm 2017 VND
Chi phí thuế TNDN hiện hành tính trên thu nhập chịu thuế hiện hành	28.407.368.914	69.989.630.046
Tổng	28.407.368.914	69.989.630.046

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

5.31 Lãi trên cổ phiếu

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	77.235.880.810	304.831.251.544
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	77.235.880.810	304.831.251.544
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	252.262.547	207.402.632
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	306	1.470

5.32 Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2018	Năm 2017
	VND	VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	33.924.954.902	42.813.428.751
Chi phí nhân công	57.434.576.094	123.420.296.577
Chi phí khấu hao tài sản cố định	115.397.801.103	362.881.080.799
Chi phí dự phòng	16.500.000	235.250.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	206.190.330.355	165.352.108.800
Chi phí khác bằng tiền	52.542.271.057	68.306.682.970
Tổng	465.506.433.511	763.008.847.897

6. THÔNG TIN KHÁC**6.1 Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo nhận định của Ban Tổng Giám đốc, xét trên các khía cạnh trọng yếu, không có sự kiện bất thường nào xảy ra sau ngày khóa sổ kế toán làm ảnh hưởng đến tình hình tài chính và hoạt động của Công ty cần thiết phải điều chỉnh hoặc trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018.

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.2 Giao dịch và số dư với các bên liên quan***Danh sách các bên liên quan*****Bên liên quan****Mối quan hệ**

Phạm Quang Dũng	Chủ tịch HĐQT
Phạm Thị Chi	Thành viên HĐQT
Trần Thị Thanh Tân	Thành viên HĐQT
Trần Hải Yến	Thành viên HĐQT
Nguyễn Việt Tân	Thành viên HĐQT
Đỗ Thanh Hương	Thành viên HĐQT
Nguyễn Văn Dưỡng	Tổng Giám đốc
Nguyễn Đình Siêu	Phó Tổng Giám đốc
Khuất Trung Thắng	Phó Tổng Giám đốc
Vũ Duy Hưng	Người có liên quan với thành viên HĐQT
Phạm Thị Nhài	Người có liên quan với thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần BĐS Thái An	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần D-Tech	Công ty liên kết
Công ty Cổ phần Bệnh viện Ban Mai	Công ty liên kết
Tổng Công ty Thăng Long – CTCP	Công ty liên kết
Công ty TNHH BOT Hùng Thắng - Phú Thọ	Công ty liên kết

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch sau với các bên liên quan***Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban điều hành***

	Năm 2018
	VND
Ban Giám đốc - Lương và thu nhập khác	3.448.426.048
Hội đồng Quản trị - Thù lao và thu nhập khác	5.416.624.194
Tổng	8.865.050.242

Số dư với các bên liên quan tại ngày kết thúc niên độ kế toán

	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
<i>Phải thu khách hàng</i>	1.652.050.000	1.563.250.000
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	1.544.200.000	1.515.400.000
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	47.850.000	47.850.000
Công ty CP Tasco Năng Lượng	60.000.000	-
<i>Phải thu khác</i>	1.446.721.369	101.264.800
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	101.264.800	101.264.800
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	1.345.456.569	-
<i>Phải trả người bán</i>	81.361.012.664	97.227.975.785
Công ty Cổ phần Bất động sản Thái An	617.968.605	617.968.605
Tổng Công ty Thăng Long - CTCP	80.743.044.059	96.610.007.180

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận**Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh**

Công ty lập Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh gồm: Xây lắp và hoạt động khác, dịch vụ thu phí đường bộ và Đầu tư, Kinh doanh Bất động sản.

Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 01/01/2018*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
TÀI SẢN				
Tài sản cố định	145.573.256.525	-	2.587.875.414.562	2.733.448.671.087
Tài sản cố định không thể phân bổ	-	-	-	21.341.475.970
Xây dựng cơ bản dờ dang	43.504.743.854	2.009.670.933.625	3.314.755.567.317	5.367.931.244.796
Các khoản phải thu	392.007.318.628	537.468.281.832	250.488.230.772	1.179.963.831.232
Hàng tồn kho	29.817.913.150		18.603.939.479	48.421.852.629
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	66.081.032.968	357.032.099.108	-	423.113.132.076
Tài sản không thể phân bổ	-	-	-	994.606.424.813
Tổng tài sản	676.984.265.125	2.904.171.314.565	6.171.723.152.130	10.768.826.632.603
NỢ PHẢI TRẢ				
Các khoản phải trả	250.122.104.135	1.391.028.189.087	177.196.359.846	1.818.346.653.068
Phải trả tiền vay	308.046.107.935	-	5.006.606.631.802	5.314.652.739.737
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	408.440.422.978
Tổng nợ phải trả	558.168.212.070	1.391.028.189.087	5.183.802.991.648	7.541.439.815.783

Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2017*Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ	Tổng
DOANH THU				
Tổng doanh thu	263.007.195.942	1.355.915.378.432	576.443.384.462	2.195.365.958.836
Giảm trừ doanh thu	(11.248.426.689)	(6.462.210.826)		(17.710.637.515)
Doanh thu thuần	251.758.769.253	1.349.453.167.606	576.443.384.462	2.177.655.321.321
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG				
Kết quả bộ phận	24.002.352.690	322.346.277.488	21.177.780.572	367.526.410.750
Thuế thu nhập doanh nghiệp	5.094.233.500	64.895.396.546	-	69.989.630.046
Lợi nhuận trong năm	18.908.119.190	257.450.880.942	21.177.780.572	297.536.780.704

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Tài sản bộ phận và nợ bộ phận tại ngày 31 tháng 12 năm 2018***Đơn vị tính: VND*

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
TÀI SẢN					
Tài sản cố định	148.455.722.195		2.666.511.455.090	81.174.052.882	2.896.141.230.167
Tài sản cố định không thể phân bổ				17.065.492.922	17.065.492.922
Xây dựng cơ bản dở dang	102.865.140.380	1.094.891.017.854	2.599.288.015.721	967.690.262.026	4.764.734.435.981
Các khoản phải thu	522.968.087.247	1.262.156.625.812	7.269.209.919	17.285.110.394	1.809.679.033.372
Hàng tồn kho	5.590.753.681			73.070.510.968	78.661.264.649
Tài sản ngắn hạn, dài hạn khác	77.433.936.807		319.156.924.997	95.582.817.094	492.173.678.898
Tài sản không thể phân bổ					772.645.025.891
Tổng tài sản	857.313.640.310	2.357.047.643.666	5.592.225.605.727	1.251.868.246.286	10.831.100.161.880
NỢ PHẢI TRẢ					
Các khoản phải trả	213.340.236.049	1.364.261.584.057	128.859.237.053	151.340.787.203	1.857.801.844.362
Phải trả tiền vay	146.959.974.521	198.888.139.271	4.351.002.583.362	795.696.303.259	5.492.547.000.413
Nợ phải trả không phân bổ	-	-	-	-	316.547.452.353
Tổng nợ phải trả	360.300.210.570	1.563.149.723.328	4.479.861.820.415	947.037.090.462	7.666.896.297.128

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.3 Báo cáo bộ phận (Tiếp theo)**Báo cáo Kết quả bộ phận cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018***Đơn vị tính: VND***Báo cáo kết quả bộ phận 2018**

	Xây lắp và hoạt động khác	Đầu tư, kinh doanh BĐS	Dịch vụ thu phí đường bộ theo hình thức BOT	Dịch vụ thu phí tự động không dừng theo hình thức BOO	Tổng
DOANH THU					
Tổng doanh thu	275.910.582.384	445.599.889.539	385.448.193.036	40.123.256.333	1.147.081.921.292
Giảm trừ doanh thu	(10.255.453.304)	(526.404.827)			(10.781.858.131)
Doanh thu thuần	265.655.129.080	445.073.484.712	385.448.193.036	40.123.256.333	1.136.300.063.161
KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG					
Kết quả bộ phận	51.896.235.080	32.732.609.404	55.538.551.891	(46.079.689.252)	94.087.707.123
Thuế thu nhập doanh nghiệp	20.475.165.124	6.714.410.992	1.217.792.797	-	28.407.368.914
Lợi nhuận trong năm	31.421.069.956	26.018.198.412	54.320.759.094	(46.079.689.252)	65.680.338.209

CÔNG TY CỔ PHẦN TASCO

Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2018

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT (TIẾP THEO)

Mẫu B 09-DN/HN

6.4 Công cụ tài chính**Quản lý rủi ro vốn**

Công ty quản trị nguồn vốn nhằm đảm bảo rằng Công ty có thể vừa hoạt động liên tục vừa tối đa hóa lợi ích của các cổ đông thông qua tối ưu hóa số dư nguồn vốn và công nợ.

Cấu trúc vốn của Công ty gồm có các khoản nợ (bao gồm các khoản vay như đã trình bày tại Thuyết minh số 5.12 trừ đi tiền và các khoản tương đương tiền) và phần vốn thuộc sở hữu của các cổ đông của công ty mẹ gồm vốn góp, các quỹ và lợi nhuận sau thuế chưa phân phối.

Các chính sách kế toán chủ yếu

Chi tiết các chính sách kế toán chủ yếu và các phương pháp mà Công ty áp dụng (bao gồm các tiêu chí để ghi nhận, cơ sở xác định giá trị và cơ sở ghi nhận các khoản thu nhập và chi phí) đối với từng loại tài sản tài chính, công nợ tài chính và công cụ vốn được trình bày chi tiết tại Thuyết minh số 4.

Các loại công cụ tài chính

	Giá trị ghi sổ	
	31/12/2018	01/01/2018
	VND	VND
Tài sản tài chính		
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.526.664.337	324.184.082.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.767.967.453.575	1.128.664.146.637
Các khoản cho vay	41.711.579.797	50.932.232.203
Đầu tư ngắn hạn	60.399.980.583	246.331.476.176
Đầu tư dài hạn	29.130.000.000	11.130.000.000
Tổng	2.041.735.678.292	1.761.241.937.099
Công nợ tài chính		
Phải trả người bán và phải trả khác	1.806.902.660.534	1.796.829.166.993
Chi phí phải trả	74.169.859.290	143.298.167.274
Các khoản vay	5.492.547.000.413	5.314.652.739.737
Tổng	7.373.619.520.237	7.254.780.074.004

Công ty chưa đánh giá giá trị hợp lý của tài sản tài chính và công nợ tài chính tại ngày kết thúc niên độ kế toán do Thông tư 210/2009/TT-BTC ngày 06/11/2009 của Bộ Tài chính hướng dẫn áp dụng Chuẩn mực kế toán quốc tế về trình bày Báo cáo tài chính và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính cũng như các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và công nợ tài chính. Thông tư 210 yêu cầu áp dụng Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế về việc trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và thuyết minh thông tin đối với công cụ tài chính nhưng không đưa ra hướng dẫn tương đương cho việc đánh giá và ghi nhận công cụ tài chính bao gồm cả áp dụng giá trị hợp lý, nhằm phù hợp với Chuẩn mực Báo cáo tài chính hợp nhất Quốc tế.

Mục tiêu quản lý rủi ro tài chính

Rủi ro tài chính bao gồm rủi ro thị trường (bao gồm rủi ro tỷ giá, rủi ro lãi suất và rủi ro về giá), rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro lãi suất của dòng tiền.

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Rủi ro thị trường**

Hoạt động kinh doanh của Công ty sẽ chủ yếu chịu rủi ro khi có sự thay đổi về tỷ giá hối đoái và lãi suất. Công ty không thực hiện các biện pháp phòng ngừa rủi ro này do thiếu thị trường mua các công cụ tài chính.

Quản lý rủi ro tỷ giá

Công ty không có các giao dịch có gốc ngoại tệ, theo đó Công ty không chịu rủi ro khi có biến động về tỷ giá.

Quản lý rủi ro lãi suất

Công ty chịu rủi ro lãi suất trọng yếu phát sinh từ các khoản vay chịu lãi suất đã được ký kết. Công ty chịu rủi ro lãi suất khi Công ty vay vốn theo lãi suất thả nổi và lãi suất cố định. Rủi ro này sẽ do Công ty quản trị bằng cách duy trì ở mức độ hợp lý các khoản vay lãi suất cố định và lãi suất thả nổi.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng xảy ra khi một khách hàng hoặc đối tác không đáp ứng được các nghĩa vụ trong hợp đồng dẫn đến các tổn thất tài chính cho Công ty. Công ty có chính sách tín dụng phù hợp và thường xuyên theo dõi tình hình để đánh giá xem Công ty có chịu rủi ro tín dụng hay không. Công ty không có bất kỳ rủi ro tín dụng trọng yếu nào với các khách hàng hoặc đối tác bởi vì các khoản phải thu đến từ một số lượng lớn khách hàng hoạt động trong nhiều ngành khác nhau và phân bố ở các khu vực địa lý khác nhau.

Quản lý rủi ro thanh khoản

Mục đích quản lý rủi ro thanh khoản nhằm đảm bảo đủ nguồn vốn để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính hiện tại và trong tương lai. Tính thanh khoản cũng được Công ty quản lý nhằm đảm bảo mức phụ trội giữa công nợ đến hạn và tài sản đến hạn trong năm ở mức có thể được kiểm soát đối với số vốn mà Công ty tin rằng có thể tạo ra trong năm đó. Chính sách của Công ty là theo dõi thường xuyên các yêu cầu về thanh khoản hiện tại và dự kiến trong tương lai nhằm đảm bảo Công ty duy trì đủ mức dự phòng tiền mặt, các khoản vay và đủ vốn mà các chủ sở hữu cam kết góp nhằm đáp ứng các quy định về tính thanh khoản ngắn hạn và dài hạn hơn.

Bảng dưới đây trình bày chi tiết các mức đáo hạn theo hợp đồng còn lại đối với công nợ tài chính phi phái sinh và thời hạn thanh toán như đã được thỏa thuận. Bảng này được trình bày dựa trên dòng tiền chưa chiết khấu của công nợ tài chính tính theo ngày sớm nhất mà Công ty phải trả và trình bày dòng tiền của các khoản gốc và tiền lãi. Ngày đáo hạn theo hợp đồng được dựa trên ngày sớm nhất mà Công ty phải trả.

Công nợ tài chính

	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
31/12/2018	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	1.280.601.613.145	526.301.047.389	1.806.902.660.534
Chi phí phải trả	62.810.486.678	11.359.372.612	74.169.859.290
Các khoản vay	61.813.822.507	5.430.733.177.906	5.492.547.000.413
01/01/2018	Dưới 1 năm	Từ 1 - 5 năm	Cộng
	VND	VND	VND
Phải trả người bán và phải trả khác	618.058.197.288	1.178.770.969.705	1.796.829.166.993
Chi phí phải trả	140.289.088.202	3.009.079.072	143.298.167.274
Các khoản vay	19.299.258.559	5.295.353.481.178	5.314.652.739.737

6.4 Công cụ tài chính (Tiếp theo)**Quản lý rủi ro thanh khoản (Tiếp theo)**

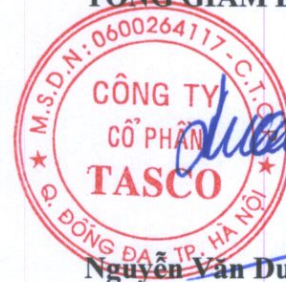
Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức tập trung rủi ro thanh khoản ở mức thấp. Ban Tổng Giám đốc tin tưởng rằng Công ty có thể tạo ra đủ nguồn tiền để đáp ứng các nghĩa vụ tài chính khi đến hạn.

Bảng sau đây trình bày chi tiết mức đáo hạn cho tài sản tài chính phi phái sinh. Bảng được lập trên cơ sở mức đáo hạn theo hợp đồng chưa chiết khấu của tài sản tài chính gồm lãi từ các tài sản đó, nếu có. Việc trình bày thông tin tài sản tài chính phi phái sinh là cần thiết để hiểu được việc quản lý rủi ro thanh khoản của Công ty khi tính thanh khoản được quản lý trên cơ sở công nợ và tài sản thuần.

Tài sản tài chính			
31/12/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	142.526.664.337	-	142.526.664.337
Phải thu khách hàng và phải thu khác	1.540.425.227.116	227.542.226.459	1.767.967.453.575
Các khoản cho vay	41.711.579.797	-	41.711.579.797
Đầu tư ngắn hạn	60.399.980.583	-	60.399.980.583
Đầu tư dài hạn	-	29.130.000.000	29.130.000.000
01/01/2018	Dưới 1 năm VND	Từ 1- 5 năm VND	Cộng VND
Tiền và các khoản tương đương tiền	324.184.082.083	-	324.184.082.083
Phải thu khách hàng và phải thu khác	841.371.021.925	287.293.124.712	1.128.664.146.637
Các khoản cho vay	50.932.232.203	-	50.932.232.203
Đầu tư ngắn hạn	246.331.476.176	-	246.331.476.176
Đầu tư dài hạn	-	11.130.000.000	11.130.000.000

Hà Nội, ngày 18 tháng 4 năm 2019

TỔNG GIÁM ĐỐC



Nguyễn Văn Dương